

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2027/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2027

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt số 13/2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 7 Điều 10, khoản 7 Điều 12, khoản 4 Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 6 Điều 16, khoản 7 Điều 17, khoản 4 Điều 19, khoản 4 Điều 21, khoản 7 Điều 23, khoản 6 Điều 25, khoản 4 Điều 28, khoản 4 Điều 30, khoản 2 Điều 31, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 33 và khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (sau đây gọi là Luật).

2. Nghị định này quy định biện pháp để tổ chức thi hành Luật về chương trình tuân thủ nội bộ và chế độ ưu tiên; phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa, tạm giữ tài sản liên quan đến phổ biến; quy định chuyển tiếp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là hoạt động hướng dẫn, tư vấn, đào tạo, chuyển giao kiến thức hoặc kỹ năng, lắp đặt, hiệu chuẩn, bảo dưỡng, thử nghiệm, tích hợp hệ thống và môi giới, trực tiếp, từ xa hoặc bằng phương tiện điện tử nhằm phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cam kết người sử dụng cuối cùng là văn bản do người sử dụng cuối cùng hoặc chủ thể được người sử dụng cuối cùng ủy quyền hợp pháp lập, ký và chịu trách nhiệm về thông tin người sử dụng cuối cùng, đối tượng, địa điểm, mục đích sử dụng cuối cùng và cam kết về sử dụng, chuyển giao, tái xuất.

3. Giấy xác nhận người sử dụng cuối cùng là văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận các thông tin có thể kiểm chứng tại thời điểm cấp về người sử dụng cuối cùng, đối tượng và mục đích sử dụng cuối cùng để phục vụ yêu cầu hợp pháp của nước xuất khẩu hoặc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, cơ chế hợp tác quốc tế. Giấy xác nhận người sử dụng cuối cùng không phải giấy phép nhập khẩu và không thay thế giấy phép, chấp thuận, xác nhận theo pháp luật chuyên ngành.

4. Bộ quản lý chuyên ngành là bộ, cơ quan ngang bộ được pháp luật giao quản lý nhà nước đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ hoặc hoạt động thuộc phạm vi quản lý, kiểm soát về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Danh mục kiểm soát chuyên ngành là danh mục hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ hoặc đối tượng có liên quan thuộc phạm vi quản lý của bộ quản lý chuyên ngành, được xác định, ban hành hoặc quản lý theo pháp luật chuyên ngành và được sử dụng làm cơ sở xây dựng, rà soát, cập nhật Danh mục kiểm soát.

6. Đối tượng báo cáo được hiểu theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

7. Mã HS là mã số dùng để phân loại hàng hóa theo Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới, được áp dụng tại Việt Nam theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và pháp luật về hải quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, kiểm soát vật liệu, thiết bị, công nghệ và hoạt động liên quan đến hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành; việc áp dụng các biện pháp phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện theo quy định của Luật và Nghị định này.

3. Việc áp dụng các biện pháp phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy cơ, rủi ro; bảo đảm đúng thẩm quyền, không chồng chéo, không làm phát sinh thủ tục hành chính ngoài quy định của pháp luật.

Chương II

ĐÁNH GIÁ RỦI RO QUỐC GIA VỀ PHỔ BIẾN, TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt chủ trì đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm đánh giá rủi ro thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; cung cấp kết quả đánh giá rủi ro thuộc ngành, lĩnh vực quản lý cho Cơ quan đầu mối quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm đánh giá rủi ro thuộc địa bàn quản lý; cung cấp kết quả đánh giá rủi ro cho Cơ quan đầu mối quốc gia.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Phương pháp đánh giá rủi ro phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là phương pháp chấm điểm.

2. Phương pháp chấm điểm được thực hiện trên cơ sở sử dụng bộ công cụ tính điểm đối với từng tiêu chí quy định tại Điều 11 của Luật để xếp hạng theo thang điểm từ 1 đến 5, cụ thể như sau:

a) Đối với tiêu chí nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt: điểm 5 là có nguy cơ cao; điểm 4 là có nguy cơ trung bình cao; điểm 3 là có nguy cơ trung bình; điểm 2 là có nguy cơ trung bình thấp; điểm 1 là có nguy cơ thấp;

b) Đối với tiêu chí mức độ dễ bị tổn thương về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt: điểm 5 là có mức độ dễ bị tổn thương cao; điểm 4 là có mức độ dễ bị tổn thương trung bình cao; điểm 3 là có mức độ dễ bị tổn thương trung bình; điểm 2 là có mức độ dễ bị tổn thương trung bình thấp; điểm 1 là có mức độ dễ bị tổn thương thấp;

c) Đối với tiêu chí hậu quả tiềm tàng của phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt: điểm 5 là có hậu quả cao; điểm 4 là có hậu quả trung bình cao; điểm 3 là có hậu quả trung bình; điểm 2 là có hậu quả trung bình thấp; điểm 1 là có hậu quả thấp;

d) Đối với tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt: điểm 5 là có rủi ro quốc gia cao; điểm 4 là có rủi ro quốc gia trung bình cao; điểm 3 là có rủi ro quốc gia trung bình; điểm 2 là có rủi ro quốc gia trung bình thấp; điểm 1 là có rủi ro quốc gia thấp.

3. Cơ quan đầu mối quốc gia cung cấp bộ công cụ tính điểm phù hợp với chuẩn mực quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 6. Nguồn thông tin, dữ liệu phục vụ đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Nguồn thông tin, dữ liệu từ các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan đầu mối quốc gia trong nước:

a) Thông tin, báo cáo rà soát, đánh giá về thể chế, khung pháp lý, cơ chế phối hợp liên ngành, quy trình kiểm soát chuyên ngành và thực tiễn thi hành pháp luật liên quan đến phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; kết quả thống kê, tổng kết, theo dõi tình hình của Cơ quan đầu mối quốc gia;

c) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thông tin quản lý, cấp phép, thông quan, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm của các bộ, ngành liên quan đối với hàng hóa lưỡng dụng, công nghệ, vật liệu, dịch vụ thuộc Danh mục kiểm soát và ngoài Danh mục kiểm soát;

d) Dữ liệu điều tra, xác minh, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính, truy tố, xét xử các vụ việc, hành vi có dấu hiệu hoặc liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Thông tin, hồ sơ quản lý về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, tuyến vận chuyển và chuỗi cung ứng do cơ quan có thẩm quyền thu thập, xác minh;

e) Thông tin, báo cáo về giao dịch đáng ngờ, dữ liệu quản lý rủi ro trong phòng, chống rửa tiền, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Nguồn thông tin, dữ liệu từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước:

a) Báo cáo, hồ sơ khai báo, giải trình về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, thông tin đối tác của các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện kiểm soát;

b) Báo cáo đánh giá rủi ro nội bộ, kết quả vận hành chương trình tuân thủ nội bộ của các tổ chức, doanh nghiệp;

c) Báo cáo của các tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan về nhận biết khách hàng, rà soát đối tượng bị chỉ định, giao dịch nghi vấn và các biện pháp trì hoãn, phong tỏa, đóng băng tài khoản/tài sản đã áp dụng;

d) Thông tin, dấu hiệu phản ánh, cung cấp tự nguyện từ các viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội ngành nghề và nhân dân theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn thông tin, dữ liệu từ hợp tác quốc tế:

a) Các nghị quyết, danh sách trừng phạt, danh sách chỉ định, báo cáo của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các cơ quan, ủy ban trực thuộc Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

b) Thông tin, khuyến nghị, tài liệu đánh giá rủi ro của các tổ chức quốc tế, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Cảnh báo rủi ro, thông tin trao đổi, hồ sơ điều tra, xác minh được cung cấp thông qua các cơ chế phối hợp quốc tế, tương trợ tư pháp hoặc chia sẻ song phương, đa phương với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

4. Nguồn thông tin, dữ liệu mở và nghiên cứu khoa học:

a) Các công trình nghiên cứu, báo cáo chuyên đề, ấn phẩm khoa học công nghệ, phân tích thị trường về xu hướng phát triển công nghệ mới, công nghệ lưỡng dụng, vật liệu mới có khả năng bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Dữ liệu mở, thông tin báo chí, truyền thông hợp pháp trong nước và quốc tế có liên quan đến các tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, biến động địa chính trị tác động đến rủi ro phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Yêu cầu về thu thập, tích hợp và quản lý nguồn thông tin, dữ liệu:

a) Thông tin, dữ liệu phục vụ đánh giá rủi ro quốc gia phải bảo đảm tính toàn vẹn, khách quan, kịp thời, được kiểm chứng và cập nhật thường xuyên;

b) Ưu tiên tích hợp, kết nối, khai thác dữ liệu điện tử từ Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan, tránh yêu cầu cung cấp báo cáo trùng lặp;

c) Việc thu thập, khai thác, chia sẻ, lưu giữ nguồn thông tin, dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Công bố, chia sẻ, khai thác, sử dụng và trách nhiệm giải trình kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ quan đầu mối quốc gia công bố công khai, rộng rãi kết quả đánh giá rủi ro quốc gia trên cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng và thông qua các hình thức phổ biến phù hợp; gửi kết quả đến các bộ, ngành, địa phương để đăng tải trên cổng thông tin điện tử, phổ biến đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý. Kết quả được chia sẻ qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hoặc bằng văn bản; ghi rõ kỳ đánh giá, thời điểm phê duyệt, phiên bản và phạm vi được phép khai thác, sử dụng. Khi kết quả được cập nhật, Cơ quan đầu mối quốc gia cập nhật nội dung đã công bố và thông báo đến cơ quan, tổ chức đã nhận kết quả.

2. Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động như sau:

a) Rà soát chính sách, pháp luật, kế hoạch để xác định nội dung cần sửa đổi, bổ sung; xác định nhiệm vụ ưu tiên, cơ quan thực hiện, tiến độ và nguồn lực để khắc phục những yếu tố làm gia tăng rủi ro;

b) Đối chiếu kết quả đánh giá với danh mục kiểm soát và dữ liệu chuyên ngành để đề xuất bổ sung, điều chỉnh hàng hóa lưỡng dụng, dịch vụ cần kiểm soát;

cập nhật tiêu chí, chỉ báo và mức phân loại rủi ro đối với ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

c) Kết hợp mức rủi ro với thông tin về chủ thể, hàng hóa, dịch vụ, hoạt động, giao dịch, người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng để xác định đối tượng, hoạt động cần quản lý, kiểm soát; lựa chọn biện pháp kiểm soát đặc thù phù hợp với căn cứ, điều kiện và thẩm quyền áp dụng theo pháp luật;

d) Xác định trọng tâm, đối tượng, phạm vi và mức độ ưu tiên trong giám sát, thanh tra, kiểm tra; tập trung vào lĩnh vực, địa bàn, hoạt động có rủi ro cao, rất cao và những khâu có hạn chế trong kiểm soát, phù hợp với pháp luật về thanh tra, kiểm tra và pháp luật chuyên ngành;

đ) Cập nhật dấu hiệu nhận diện, ngưỡng cảnh báo và nội dung cần theo dõi trong hệ thống cảnh báo sớm; đối chiếu thông tin phát sinh với các yếu tố rủi ro đã được xác định để phát hiện thay đổi, xác minh và xử lý theo thẩm quyền;

e) Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, trang bị phương tiện và bố trí nguồn lực theo mức rủi ro; xác định nội dung cần phối hợp, trao đổi thông tin và hợp tác quốc tế để nâng cao hiệu quả thực thi và thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan giải trình kết quả đánh giá rủi ro quốc gia với các tổ chức, đối tác quốc tế khi được yêu cầu. Các bộ, ngành cung cấp tài liệu, giải trình nội dung thuộc ngành, lĩnh vực quản lý và phối hợp làm rõ những vấn đề liên ngành. Bộ Quốc phòng tổng hợp, thống nhất nội dung và giải trình phù hợp với quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế, bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương III

DANH MỤC KIỂM SOÁT; BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT THEO DANH MỤC, NGOÀI DANH MỤC; NGƯỜI SỬ DỤNG CUỐI, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CUỐI; BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ PHẢN ỨNG KHẨN CẤP; CHƯƠNG TRÌNH TUÂN THỦ NỘI BỘ VÀ CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Mục 1. DANH MỤC KIỂM SOÁT

Điều 8. Nguyên tắc xây dựng Danh mục kiểm soát

1. Việc xây dựng Danh mục kiểm soát phải bảo đảm khoa học, khách quan, dựa trên quản lý rủi ro, phù hợp với yêu cầu phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và thực tiễn quản lý.

2. Tiêu chí xây dựng Danh mục kiểm soát:

a) Đặc tính và mức độ nguy hiểm, bao gồm độc tính của hóa chất; khả năng gây bệnh, lây nhiễm hoặc gây tác hại của tác nhân sinh học và độc tố; tính phóng

xạ, mức độ phát xạ, đặc tính hạt nhân của nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân và các đặc tính kỹ thuật có liên quan;

b) Khả năng bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Tính chất lưỡng dụng.

3. Hàng hóa lưỡng dụng thuộc Danh mục kiểm soát được xác định theo tên gọi; đặc điểm kỹ thuật, công nghệ; mã HS.

4. Dịch vụ thuộc Danh mục kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Gắn với hàng hóa lưỡng dụng thuộc Danh mục kiểm soát;

b) Cơ quan có thẩm quyền thông báo dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

5. Danh mục kiểm soát được xây dựng trên cơ sở tích hợp, chuẩn hóa và dẫn chiếu các danh mục kiểm soát chuyên ngành; bảo đảm thống nhất với pháp luật về hóa chất, sinh học, năng lượng nguyên tử, thương mại và pháp luật có liên quan; không thay thế danh mục quản lý chuyên ngành và không làm thay đổi thẩm quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xây dựng, rà soát, cập nhật, công bố, khai thác và sử dụng Danh mục kiểm soát

1. Bộ quản lý chuyên ngành căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8 xây dựng, ban hành danh mục kiểm soát chuyên ngành.

2. Danh mục kiểm soát kiểm soát chuyên ngành được gửi về Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Cơ quan đầu mối quốc gia tích hợp danh mục kiểm soát chuyên ngành, trình Chính phủ ban hành Danh mục kiểm soát.

4. Bộ Quản lý chuyên ngành có trách nhiệm rà soát, cập nhật danh mục kiểm soát chuyên ngành.

5. Trường hợp danh mục kiểm soát chuyên ngành có thay đổi, Cơ quan đầu mối quốc gia tổng hợp, báo cáo Chính phủ cập nhật Danh mục kiểm soát.

6. Danh mục kiểm soát, lịch sử cập nhật Danh mục kiểm soát được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cơ quan đầu mối quốc gia và bộ quản lý chuyên ngành.

7. Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan khai thác, sử dụng Danh mục kiểm soát để nhận diện, đánh giá, cảnh báo, chia sẻ thông tin và áp dụng biện pháp theo Luật.

**Mục 2. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT
THEO DANH MỤC KIỂM SOÁT, NGOÀI DANH MỤC KIỂM SOÁT;
NGƯỜI SỬ DỤNG CUỐI CÙNG, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CUỐI CÙNG;
BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ PHẢN ỨNG KHẨN CẤP**

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tạm dừng, chấm dứt hoạt động quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định tạm dừng, chấm dứt hoạt động quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật đối với hoạt động thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thuộc thẩm quyền quản lý được phân quyền, phân cấp cho địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật đang thực hiện thủ tục hải quan:

a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quyết định tạm dừng đối với hoạt động đang thực hiện thủ tục tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định chấm dứt trên cơ sở hồ sơ do cơ quan hải quan lập và ý kiến của bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.

4. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quyết định việc gia hạn tạm dừng, sửa đổi, bổ sung, kết thúc biện pháp hoặc hủy bỏ quyết định thuộc thẩm quyền của mình.

5. Cơ quan trực tiếp quản lý hoạt động chủ trì lập hồ sơ, tổ chức xác minh và thực hiện quyết định. Trường hợp liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cơ quan này lấy ý kiến, phối hợp với các cơ quan có liên quan; Bộ Quốc phòng điều phối việc trao đổi thông tin và xử lý vướng mắc về phối hợp.

Điều 11. Trình tự, thủ tục tạm dừng hoạt động theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Luật

1. Tiếp nhận, xử lý thông tin:

Cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan hải quan tiếp nhận hoặc phát hiện thông tin liên quan có trách nhiệm đối chiếu với căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Luật; xác định hoạt động, chủ thể, nội dung cần xác minh và thẩm quyền quyết định.

2. Lập hồ sơ đề xuất:

a) Hồ sơ gồm báo cáo đề xuất; thông tin, tài liệu, dữ liệu làm căn cứ; kế hoạch xác minh và dự thảo quyết định;

b) Báo cáo đề xuất phải làm rõ dấu hiệu rủi ro, nguồn và mức độ tin cậy của thông tin, sự cần thiết tạm dừng hoạt động; hoạt động hoặc phần hoạt động cần tạm dừng; thời gian đề xuất và tác động đối với hoạt động có liên quan. Kế

hoạch xác minh phải xác định rõ nội dung cần xác minh, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời hạn hoàn thành;

c) Hồ sơ được lập trên cơ sở thông tin, dữ liệu đã có và kết quả kiểm tra ban đầu. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị tạm dừng hoạt động hoặc cung cấp lại thông tin, tài liệu mà cơ quan có thể khai thác từ hồ sơ, cơ sở dữ liệu.

3. Xem xét, quyết định:

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề xuất, người có thẩm quyền xem xét căn cứ, sự cần thiết, phạm vi và thời gian đề xuất để quyết định việc tạm dừng hoạt động hoặc yêu cầu làm rõ hồ sơ. Trường hợp cần tạm dừng ngay, quyết định tạm dừng hoạt động được ban hành ngay khi hồ sơ đủ căn cứ. Việc không áp dụng biện pháp tạm dừng hoạt động hoặc yêu cầu làm rõ hồ sơ phải được thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do hoặc nội dung cần làm rõ.

4. Ban hành quyết định:

Quyết định được lập theo khoản 2 Điều 14 của Luật; xác định cụ thể hoạt động phải tạm dừng; nội dung cần xác minh; cơ quan chủ trì xác minh, cơ quan tổ chức thực hiện; thời điểm bắt đầu và kết thúc trong giới hạn quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật.

5. Thông báo và tổ chức thi hành:

a) Quyết định được gửi ngay sau khi ban hành đến tổ chức, cá nhân bị áp dụng và cơ quan tổ chức thực hiện; gửi đến cơ quan liên quan và Bộ Quốc phòng trong thời hạn 24 giờ để phối hợp, theo dõi;

b) Quyết định được giao trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật. Cơ quan gửi ghi nhận phương thức gửi, thời điểm gửi, người nhận và kết quả tiếp nhận; trường hợp từ chối nhận trực tiếp thì lập biên bản và tiếp tục thông báo bằng phương thức phù hợp;

c) Cơ quan tổ chức thực hiện ghi nhận tình trạng hoạt động tại thời điểm tạm dừng, theo dõi việc chấp hành; phối hợp với tổ chức, cá nhân duy trì điều kiện an toàn, bảo quản hàng hóa và xử lý công việc liên quan theo pháp luật chuyên ngành. Việc không chấp hành được lập hồ sơ, xử lý theo thẩm quyền và pháp luật có liên quan.

6. Xác minh và báo cáo kết quả:

a) Cơ quan chủ trì triển khai kế hoạch xác minh ngay sau khi quyết định được ban hành; sử dụng hồ sơ, cơ sở dữ liệu, yêu cầu giải trình, trao đổi thông tin với cơ quan trong nước, nước ngoài hoặc kiểm tra theo thẩm quyền;

b) Yêu cầu phối hợp phải xác định vấn đề cần làm rõ, thông tin cần cung cấp và thời hạn trả lời phù hợp với thời hạn tạm dừng;

c) Báo cáo kết quả phải phân biệt thông tin đã được kiểm chứng với nội dung chưa làm rõ; kết luận đối với từng vấn đề và đề xuất kết thúc, gia hạn biện

pháp tạm dừng hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động. Khi có kết quả đủ để đề xuất xử lý, cơ quan chủ trì gửi ngay báo cáo, không chờ hết thời hạn tạm dừng.

7. Gia hạn:

Cơ quan chủ trì xác minh trình hồ sơ đề nghị gia hạn trước khi hết thời hạn tạm dừng. Hồ sơ gồm báo cáo kết quả đã thực hiện, vấn đề phức tạp chưa làm rõ, công việc cần tiếp tục, thời gian đề xuất và dự thảo quyết định gia hạn.

Người có thẩm quyền xem xét, quyết định và thông báo việc gia hạn trước khi hết thời hạn tạm dừng; việc gia hạn tuân thủ khoản 3 Điều 14 của Luật. Không ban hành quyết định tạm dừng mới đối với cùng hoạt động, cùng căn cứ để kéo dài thời hạn vượt giới hạn của Luật.

8. Kết thúc và hoàn tất hồ sơ:

a) Trên cơ sở báo cáo xác minh xác định không còn căn cứ áp dụng, người có thẩm quyền ban hành văn bản kết thúc biện pháp tạm dừng hoạt động và gửi ngay đến các bên đã nhận quyết định;

b) Khi hết thời hạn mà không có quyết định gia hạn hoặc quyết định chấm dứt hoạt động có hiệu lực, cơ quan tổ chức thực hiện thông báo kết thúc biện pháp tạm dừng hoạt động và cập nhật trạng thái trong hệ thống quản lý;

c) Trường hợp đủ căn cứ đề xuất chấm dứt hoạt động, thực hiện Điều 12 của Nghị định này;

d) Cơ quan chủ trì lưu hồ sơ đề xuất, quyết định, tài liệu thông báo, xác minh và kết quả thi hành; gửi thông tin về gia hạn, kết thúc biện pháp tạm dừng hoạt động đến Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan đã nhận quyết định.

Điều 12. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật

1. Lập hồ sơ đề xuất:

Cơ quan trực tiếp quản lý hoạt động hoặc cơ quan chủ trì xác minh lập hồ sơ gồm báo cáo đề xuất, thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh căn cứ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật; ý kiến cơ quan liên quan, nếu có; phương án tổ chức thực hiện và dự thảo quyết định.

Báo cáo phải xác định căn cứ cụ thể, hoạt động hoặc phần hoạt động đề nghị chấm dứt, kết quả đối chiếu và xác minh. Trường hợp đề xuất để thực hiện nghĩa vụ quốc tế hoặc yêu cầu cấp bách, hồ sơ phải xác định yêu cầu, nguồn văn bản hoặc thông tin chính thức và sự cần thiết phải xử lý ngay.

2. Thông báo, tiếp nhận giải trình:

a) Cơ quan lập hồ sơ gửi thông báo nội dung, căn cứ dự kiến chấm dứt để tổ chức, cá nhân giải trình trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo; tổng hợp giải trình và đánh giá các tài liệu được cung cấp;

b) Hết thời hạn mà không có giải trình, cơ quan lập hồ sơ ghi nhận việc thông báo và trình hồ sơ hiện có;

c) Trường hợp phải xử lý ngay để thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc yêu cầu cấp bách tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật, hồ sơ được trình ngay, nêu rõ lý do không thực hiện giải trình trước khi quyết định. Tổ chức, cá nhân được gửi giải trình sau khi nhận quyết định để người có thẩm quyền xem xét.

3. Xem xét, quyết định:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đã có kết quả giải trình hoặc ghi nhận việc hết thời hạn giải trình, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc chấm dứt hoạt động. Trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, quyết định được ban hành ngay khi hồ sơ đủ căn cứ.

4. Ban hành, thông báo và thi hành:

Quyết định được lập theo khoản 2 Điều 14 của Luật; xác định cụ thể hoạt động phải chấm dứt, thời điểm thi hành, cơ quan tổ chức thực hiện và công việc còn lại phải xử lý theo pháp luật chuyên ngành. Trường hợp đang tạm dừng, quyết định phải xác định thời điểm thay thế quyết định tạm dừng.

Việc thông báo, ghi nhận tiếp nhận và tổ chức thi hành thực hiện theo khoản 5 Điều 11 của Nghị định này. Cơ quan thực hiện kiểm tra việc chấp hành, lập biên bản kết quả và báo cáo người quyết định.

5. Rà soát quyết định, hoàn tất hồ sơ:

Khi tiếp nhận giải trình hoặc thông tin, tài liệu mới có thể làm thay đổi căn cứ quyết định, cơ quan lập hồ sơ kiểm tra, báo cáo người có thẩm quyền xem xét giữ nguyên, sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định theo pháp luật. Việc giải quyết khiếu nại, thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo pháp luật có liên quan.

Cơ quan chủ trì lưu hồ sơ, báo cáo kết quả thi hành và gửi thông tin về việc sửa đổi, hủy bỏ quyết định đến Bộ Quốc phòng, các cơ quan đã nhận quyết định để cập nhật, phối hợp quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát

1. Thẩm quyền quyết định tạm dừng, chấm dứt hoạt động quy định tại điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 15 của Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được xác định như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định đối với hoạt động thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thuộc thẩm quyền quản lý được phân quyền, phân cấp cho địa phương;

c) Người đứng đầu cơ quan hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan quyết định tạm dừng đối với hoạt động thực hiện thủ tục hải quan; trường hợp có căn cứ chấm dứt hoạt động thì lập hồ sơ, báo cáo người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này quyết định.

2. Người đứng đầu cơ quan quản lý chuyên ngành trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động và người đứng đầu cơ quan hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan quyết định áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 15 của Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

3. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quyết định việc sửa đổi, bổ sung, kết thúc biện pháp đó; việc gia hạn biện pháp tạm dừng thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền quyết định tạm dừng.

4. Trường hợp liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cơ quan trực tiếp quản lý hoạt động chủ trì lập hồ sơ và phối hợp xác minh. Bộ Quốc phòng điều phối việc trao đổi thông tin, xử lý vướng mắc về phối hợp và theo dõi kết quả; việc phối hợp không làm thay đổi thẩm quyền quy định tại Điều này.

Điều 14. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát

1. Tiếp nhận thông tin, xác định căn cứ áp dụng:

Cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan hải quan tiếp nhận hoặc phát hiện thông tin liên quan phải đối chiếu thông tin với các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; xác định hàng hóa, dịch vụ, hoạt động, chủ thể liên quan và biện pháp cần áp dụng.

2. Lập hồ sơ, quyết định áp dụng:

a) Hồ sơ gồm báo cáo đề xuất, thông tin, tài liệu, dữ liệu làm căn cứ; nội dung đã xác minh, nội dung cần làm rõ; biện pháp, phạm vi, thời hạn đề xuất và dự thảo quyết định;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đề xuất, người có thẩm quyền quyết định áp dụng, yêu cầu làm rõ hồ sơ hoặc không áp dụng biện pháp. Đối với đề xuất tạm dừng, thời hạn xem xét, quyết định không quá 24 giờ kể từ khi nhận hồ sơ;

c) Mỗi biện pháp được lựa chọn phải có căn cứ và mục đích riêng; việc áp dụng đồng thời nhiều biện pháp phải xác định nội dung phối hợp, tránh trùng lặp. Quyết định được lập theo khoản 4 Điều 15 của Luật.

3. Yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin và giải trình:

a) Cơ quan thực hiện đối chiếu hồ sơ, dữ liệu đã có để xác định phần thông tin còn thiếu hoặc không thống nhất. Văn bản yêu cầu phải chỉ rõ vấn đề cần làm rõ, thông tin, tài liệu cần cung cấp, hình thức và thời hạn trả lời; thời hạn được xác định phù hợp với khối lượng, tính chất thông tin và khả năng thu thập;

b) Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu hoặc giải trình về nội dung được yêu cầu; trường hợp chưa thể cung cấp đầy đủ thì nêu rõ lý do, phần thông tin có thể cung cấp và thời gian dự kiến bổ sung.

c) Cơ quan thực hiện đánh giá nội dung trả lời, chỉ yêu cầu bổ sung phần chưa đáp ứng nội dung xác minh.

4. Xác minh thông tin:

a) Cơ quan được giao xác minh xác định nội dung, nguồn thông tin, cơ quan phối hợp và thời hạn hoàn thành; đối chiếu hồ sơ, dữ liệu về các chủ thể liên quan, danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định và thông tin cảnh báo; trao đổi với cơ quan trong nước, nước ngoài hoặc kiểm tra theo thẩm quyền khi cần thiết;

b) Kết quả xác minh được lập thành báo cáo, nêu rõ thông tin đã được kiểm chứng, thông tin còn khác biệt, mức độ tin cậy và kết luận đối với từng vấn đề. Trường hợp thông tin chỉ trùng khớp một phần với tổ chức, cá nhân bị chỉ định, phải đối chiếu các yếu tố nhận dạng để làm rõ;

c) Căn cứ kết quả xác minh, cơ quan thực hiện đề xuất giữ nguyên, điều chỉnh, kết thúc biện pháp hoặc áp dụng biện pháp khác. Việc chuyển sang tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động phải được xem xét riêng theo điểm đ hoặc điểm e khoản 3 Điều 15 của Luật.

5. Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu:

Quyết định áp dụng biện pháp lưu giữ phải xác định loại hồ sơ, chứng từ, dữ liệu liên quan trực tiếp đến nội dung kiểm soát và chủ thể có trách nhiệm lưu giữ. Tổ chức, cá nhân lưu giữ bản giấy hoặc bản điện tử bảo đảm khả năng truy xuất, đối chiếu trong thời hạn 05 năm kể từ khi hoạt động được kiểm soát kết thúc, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định thời hạn dài hơn. Việc lưu giữ không đồng nghĩa với việc phải định kỳ gửi toàn bộ hồ sơ cho cơ quan quản lý. Hồ sơ giải quyết vụ việc của cơ quan nhà nước được lưu theo pháp luật về lưu trữ.

6. Theo dõi, kiểm tra, giám sát:

Cơ quan thực hiện lập kế hoạch xác định đối tượng, vấn đề cần theo dõi, hình thức, thời hạn và trách nhiệm phối hợp; sử dụng thông tin đã được cung cấp, kết quả xác minh và dữ liệu chuyên ngành để theo dõi thay đổi. Việc kiểm tra thực hiện theo thẩm quyền, trình tự của pháp luật có liên quan; kết quả được lập thành biên bản hoặc báo cáo và sử dụng để rà soát sự cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp.

7. Tạm dừng hoạt động và gia hạn:

a) Hồ sơ đề xuất tạm dừng phải chỉ rõ dấu hiệu rủi ro cụ thể cần xác minh, phần hoạt động cần tạm dừng, công việc xác minh và cơ quan thực hiện. Kế hoạch xác minh phải được bố trí trong thời hạn tạm dừng theo khoản 5 Điều 15 của Luật;

b) Trường hợp đề nghị gia hạn, cơ quan xác minh lập báo cáo về công việc đã thực hiện, vấn đề phức tạp chưa làm rõ, công việc cần tiếp tục và thời gian đề

xuất. Quyết định gia hạn phải được ban hành, thông báo trước khi thời hạn tạm dừng kết thúc, tuân thủ khoản 5 Điều 15 của Luật; không sử dụng quyết định tạm dừng mới đối với cùng hoạt động, cùng căn cứ để kéo dài thời hạn vượt giới hạn của Luật.

8. Chấm dứt hoạt động:

Cơ quan lập hồ sơ phải xác định rõ thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh căn cứ quy định tại điểm e khoản 3 Điều 15 của Luật; gửi thông báo nội dung dự kiến áp dụng để tổ chức, cá nhân giải trình trong thời hạn 02 ngày làm việc. Người có thẩm quyền xem xét tài liệu chứng minh và ý kiến giải trình trước khi quyết định. Không áp dụng biện pháp chấm dứt chỉ vì có cảnh báo rủi ro, thông tin nhận dạng trùng khớp một phần hoặc hết thời hạn xác minh mà chưa đủ căn cứ. Việc chấm dứt có thể được quyết định trực tiếp khi đủ căn cứ, không bắt buộc phải áp dụng biện pháp tạm dừng trước đó.

9. Thông báo, tổ chức thực hiện và kết thúc biện pháp:

a) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành, quyết định áp dụng, điều chỉnh hoặc kết thúc biện pháp được gửi đến tổ chức, cá nhân bị áp dụng, cơ quan thực hiện, cơ quan liên quan và Bộ Quốc phòng để phối hợp, theo dõi. Quyết định tạm dừng phải được chuyển ngay khi cần thi hành ngay;

b) Cơ quan thực hiện ghi nhận thời điểm thông báo, tiếp nhận quyết định và kết quả thi hành; cập nhật thông tin trong hồ sơ, hệ thống quản lý có liên quan;

c) Khi kết quả xác minh cho thấy không còn căn cứ áp dụng biện pháp yêu cầu thông tin, xác minh hoặc theo dõi, kiểm tra, giám sát, cơ quan thực hiện báo cáo để người có thẩm quyền quyết định kết thúc biện pháp. Đối với tạm dừng hoạt động, thực hiện việc kết thúc và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp theo khoản 5 Điều 15 của Luật; tổ chức, cá nhân không phải làm thủ tục đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động chỉ vì đã bị tạm dừng;

d) Cơ quan được giao thực hiện báo cáo kết quả và gửi thông tin về việc thay đổi, kết thúc biện pháp đến Bộ Quốc phòng, các cơ quan đã nhận quyết định để cập nhật, phối hợp quản lý.

Điều 15. Thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng

1. Người đứng đầu cơ quan quản lý chuyên ngành trực tiếp quản lý hoạt động quyết định áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 16 của Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với hoạt động thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Người đứng đầu cơ quan hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan quyết định áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 16 của Luật đối với hàng hóa và hoạt động đang thực hiện thủ tục hải quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao trực tiếp quản lý hoạt động quyết định áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 16 của Luật đối với hoạt động thuộc thẩm quyền quản lý được phân quyền, phân cấp cho địa phương.

4. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát quyết định việc sửa đổi, bổ sung, kết thúc biện pháp thuộc thẩm quyền của mình.

5. Trường hợp hoạt động liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cơ quan trực tiếp quản lý hoạt động chủ trì xác minh và phối hợp với các cơ quan có liên quan. Bộ Quốc phòng điều phối việc trao đổi thông tin, giải quyết vướng mắc về phối hợp và theo dõi kết quả thực hiện. Việc phối hợp không làm thay đổi thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quy định tại Điều này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng

1. Tiếp nhận, xử lý thông tin và xác định căn cứ áp dụng biện pháp:

Cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan hải quan khi tiếp nhận hoặc phát hiện thông tin, tài liệu, dữ liệu có dấu hiệu rủi ro liên quan đến người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng có trách nhiệm đối chiếu với các tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật; xác định hoạt động, chủ thể, dấu hiệu rủi ro cụ thể và biện pháp cần áp dụng;

2. Lập hồ sơ và quyết định áp dụng biện pháp:

a) Hồ sơ đề xuất gồm báo cáo xác định dấu hiệu rủi ro, thông tin, tài liệu, dữ liệu làm căn cứ; nội dung cần xác minh; biện pháp, đối tượng, phạm vi, thời hạn đề xuất áp dụng và dự thảo văn bản áp dụng biện pháp;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề xuất, người có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp, yêu cầu làm rõ hồ sơ hoặc không áp dụng biện pháp. Trường hợp cần áp dụng ngay để ngăn ngừa nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, văn bản áp dụng biện pháp được ban hành ngay khi có đủ căn cứ;

c) Văn bản áp dụng biện pháp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 16 của Luật; xác định cụ thể hoạt động, hàng hóa, dịch vụ, chủ thể và nội dung kiểm soát. Việc áp dụng đồng thời nhiều biện pháp phải phù hợp với dấu hiệu rủi ro cụ thể, tránh trùng lặp về nội dung và yêu cầu thực hiện;

d) Việc yêu cầu làm rõ hồ sơ hoặc đề xuất áp dụng biện pháp không làm phát sinh việc tạm dừng hoạt động khi chưa có quyết định của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu:

a) Cơ quan thực hiện biện pháp xác định nội dung thông tin, tài liệu chưa đầy đủ, không thống nhất hoặc cần làm rõ trên cơ sở kết quả rà soát quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Văn bản yêu cầu phải xác định cụ thể thông tin, tài liệu cần cung cấp, vấn đề cần giải trình, hình thức và thời hạn thực hiện. Thời hạn được xác định phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro, khối lượng thông tin và khả năng thu thập tài liệu;

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu theo yêu cầu; trường hợp không thể cung cấp đầy đủ phải nêu rõ lý do và thông tin, tài liệu có thể cung cấp;

4. Đối chiếu, xác minh thông tin:

Cơ quan thực hiện biện pháp xác định nội dung cần xác minh; đối chiếu hồ sơ, dữ liệu hiện có, thông tin cảnh báo và thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền; trao đổi, yêu cầu phối hợp xác minh với cơ quan, tổ chức có liên quan trong nước, nước ngoài theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

Kết quả xác minh được lập thành báo cáo, xác định thông tin đã được kiểm chứng, thông tin chưa được làm rõ, mức độ tin cậy và kết luận đối với từng vấn đề cần xác minh.

5. Yêu cầu cam kết về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng:

Căn cứ dấu hiệu rủi ro và kết quả xác minh, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp văn bản cam kết về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng.

6. Áp dụng cảnh báo, theo dõi, kiểm tra:

Cơ quan có thẩm quyền xác định đối tượng, nội dung, phạm vi, hình thức và thời gian cảnh báo, theo dõi, kiểm tra phù hợp với mức độ rủi ro và kết quả xác minh. Việc theo dõi được thực hiện thông qua hồ sơ, thông tin, dữ liệu quản lý chuyên ngành, kết quả phối hợp xác minh và các nguồn thông tin hợp pháp khác. Việc kiểm tra thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật có liên quan. Kết quả theo dõi, kiểm tra phải được ghi nhận, làm căn cứ xem xét việc tiếp tục, điều chỉnh, kết thúc hoặc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát khác theo quy định của pháp luật.

7. Thông báo và tổ chức thực hiện biện pháp:

a) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành, văn bản áp dụng biện pháp được gửi đến tổ chức, cá nhân bị áp dụng và cơ quan được giao thực hiện; gửi đến cơ quan có liên quan và Bộ Quốc phòng khi cần phối hợp liên ngành hoặc theo dõi kết quả;

b) Việc thông báo được thực hiện trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật. Cơ quan thực hiện ghi nhận thời điểm thông báo, việc tiếp nhận và kết quả thực hiện biện pháp;

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện yêu cầu trong phạm vi, thời hạn ghi tại văn bản áp dụng biện pháp.

8. Xử lý kết quả và kết thúc biện pháp:

a) Trên cơ sở kết quả xác minh, giải trình, cam kết, theo dõi hoặc kiểm tra, cơ quan thực hiện báo cáo người có thẩm quyền xem xét việc tiếp tục, sửa đổi, bổ sung, kết thúc biện pháp hoặc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát khác theo quy định của pháp luật;

b) Khi không còn căn cứ áp dụng hoặc đã hoàn thành mục đích kiểm soát, người có thẩm quyền ban hành văn bản kết thúc biện pháp; trường hợp biện pháp có thời hạn thì không được tiếp tục áp dụng quá thời hạn đã xác định khi chưa có văn bản hợp lệ của người có thẩm quyền;

c) Trường hợp phát hiện căn cứ áp dụng biện pháp tạm dừng, chấm dứt hoạt động hoặc biện pháp khác, cơ quan thực hiện lập hồ sơ, trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo trình tự, thủ tục tương ứng quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

d) Cơ quan thực hiện thông báo kết quả xử lý đến tổ chức, cá nhân có liên quan; cập nhật, lưu giữ hồ sơ, dữ liệu và gửi thông tin về việc thay đổi, kết thúc biện pháp đến Bộ Quốc phòng, các cơ quan đã nhận văn bản áp dụng biện pháp để phối hợp quản lý.

Điều 17. Trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận người sử dụng cuối cùng

1. Trường hợp cấp Giấy xác nhận:

Tổ chức, cá nhân là người sử dụng cuối cùng tại Việt Nam hoặc người được ủy quyền hợp pháp được đề nghị cấp Giấy xác nhận người sử dụng cuối cùng để phục vụ hoạt động nhập khẩu, tiếp nhận, chuyển giao hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ hoặc dịch vụ thuộc diện quản lý, kiểm soát theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc để đáp ứng yêu cầu kiểm soát của nước xuất khẩu.

Giấy xác nhận người sử dụng cuối cùng không thay thế giấy phép, giấy chứng nhận hoặc các văn bản chấp thuận khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành; không phải là điều kiện bắt buộc đối với mọi hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát.

2. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ hoặc dịch vụ có liên quan quyết định cấp Giấy xác nhận người sử dụng cuối cùng trong phạm vi quản lý; việc phân cấp, ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận chủ trì lấy ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan. Bộ Quốc phòng điều phối việc xác định cơ quan chủ trì khi có vướng mắc về phân định phạm vi quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận nộp 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy xác nhận, trong đó xác định người sử dụng cuối cùng; thông tin về hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ hoặc dịch vụ; số lượng, mục đích và địa điểm sử dụng dự kiến; thông tin về bên xuất khẩu hoặc bên chuyển giao;

b) Tài liệu về giao dịch dự kiến và thông tin, tài liệu mô tả đặc tính kỹ thuật cần thiết để xác định đối tượng được xác nhận;

c) Cam kết của người sử dụng cuối cùng về tính chính xác của thông tin đã cung cấp, việc sử dụng đúng mục đích khai báo và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, kiểm soát;

d) Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp người nộp hồ sơ không phải là người sử dụng cuối cùng.

4. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Hồ sơ được nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu thì thông báo một lần bằng văn bản những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện;

5. Thẩm định, xác minh và cấp Giấy xác nhận:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền đối chiếu, xác minh thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng và các nội dung liên quan; xem xét, quyết định cấp Giấy xác nhận;

Trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc lấy ý kiến được thực hiện trong thời hạn giải quyết quy định tại điểm a khoản này;

Trường hợp cần xác minh phức tạp, thời hạn giải quyết được kéo dài một lần nhưng không quá 10 ngày; cơ quan giải quyết phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị trước khi hết thời hạn giải quyết, nêu rõ lý do và thời hạn dự kiến hoàn thành.

Đối với hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đã được công nhận chế độ ưu tiên thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

Trường hợp không cấp Giấy xác nhận, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

6. Nội dung và giá trị của Giấy xác nhận:

a) Giấy xác nhận phải thể hiện thông tin nhận dạng người sử dụng cuối cùng; hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ hoặc dịch vụ được xác nhận; mục đích, địa điểm sử dụng dự kiến; thông tin về giao dịch có liên quan và các nội dung cần thiết khác để nhận dạng, đối chiếu;

b) Giấy xác nhận được cấp bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định của pháp luật; được sử dụng đối với người sử dụng cuối cùng, đối tượng và mục đích sử dụng ghi trên Giấy xác nhận;

c) Việc cấp Giấy xác nhận không thay thế trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, kiểm soát hàng hóa, công nghệ, dịch vụ và hoạt động có liên quan.

7. Cấp lại, điều chỉnh Giấy xác nhận:

a) Trường hợp Giấy xác nhận bị mất, hư hỏng hoặc có sai sót về thông tin nhưng không làm thay đổi người sử dụng cuối cùng, đối tượng và mục đích sử dụng, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị cấp lại đến cơ quan đã cấp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp lại hoặc trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do;

b) Trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến đối tượng, số lượng, địa điểm hoặc mục đích sử dụng nhưng không thay đổi người sử dụng cuối cùng, tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy xác nhận, kèm tài liệu chứng minh nội dung thay đổi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã cấp xem xét, quyết định điều chỉnh hoặc trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. Trường hợp cần xác minh phức tạp, thực hiện theo điểm c khoản 5 Điều này;

c) Trường hợp thay đổi người sử dụng cuối cùng, việc cấp Giấy xác nhận được thực hiện theo thủ tục cấp mới.

8. Thu hồi Giấy xác nhận

Trường hợp phát hiện Giấy xác nhận được cấp trên cơ sở thông tin, tài liệu giả mạo, không đúng sự thật hoặc có căn cứ xác định việc cấp Giấy xác nhận trái quy định của pháp luật, cơ quan đã cấp xem xét, quyết định thu hồi; thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan và cơ quan đã được cung cấp thông tin về Giấy xác nhận để phối hợp xử lý.

Điều 18. Thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp

1. Thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm dừng hoạt động quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 của Luật này được xác định như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định áp dụng biện pháp tạm dừng hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền được pháp luật quy định;

b) Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp phép, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hoạt động liên quan quyết định áp dụng biện pháp tạm dừng hoạt động trong phạm vi thẩm quyền được pháp luật chuyên ngành giao;

2. Việc áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quản lý, kiểm soát hoạt động, giao dịch theo quy định của pháp luật chuyên ngành quyết định áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch thuộc phạm vi thẩm quyền;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch có trách nhiệm thực hiện quyết định trì hoãn giao dịch của cơ quan, người có thẩm quyền;

c) Trường hợp trì hoãn giao dịch thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 24 của Luật này thì thẩm quyền, trách nhiệm áp dụng được thực hiện theo Điều 24 của Luật này và pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Thẩm quyền quyết định phong tỏa tài sản, tài khoản quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17 của Luật này được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Luật này và pháp luật có liên quan. Việc phong tỏa tài sản, tài khoản phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ người, tài sản, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, dữ liệu, tài liệu, phương tiện quy định tại điểm c khoản 3 Điều 17 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Hải quan và cơ quan, lực lượng có liên quan áp dụng biện pháp tạm giữ trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan;

b) Việc tạm giữ người chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ, điều kiện và bởi người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan;

c) Việc tạm giữ tài sản, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, dữ liệu, tài liệu, phương tiện phải bảo đảm đúng đối tượng, phạm vi, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết khác quy định tại điểm d khoản 3 Điều 17 của Luật này thực hiện theo quy định của pháp luật điều chỉnh biện pháp đó.

6. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp thông tin, điều phối việc xác minh, phối hợp xử lý; đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định áp

dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp. Việc điều phối không làm thay đổi thẩm quyền quyết định và trách nhiệm thực hiện biện pháp của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp và cơ chế phối hợp

1. Khi phát hiện thông tin, dấu hiệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý. Trường hợp thông tin có dấu hiệu tội phạm phải chuyển ngay cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan tiếp nhận thông tin có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, xác minh sơ bộ thông tin, xác định căn cứ, đối tượng, mức độ nguy cơ, tính chất khẩn cấp và biện pháp cần áp dụng;

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền thì xem xét, quyết định áp dụng ngay biện pháp phù hợp;

c) Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì chuyển ngay thông tin, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định; đồng thời thông báo cho Cơ quan đầu mối quốc gia để phối hợp khi cần thiết;

d) Trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương hoặc cần phối hợp xử lý khẩn cấp thì thông báo ngay cho Cơ quan đầu mối quốc gia để điều phối việc xử lý theo thẩm quyền.

3. Căn cứ kết quả xác minh và yêu cầu ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định áp dụng biện pháp bằng văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này; xác định rõ thời điểm bắt đầu áp dụng biện pháp.

Quyết định được gửi ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện và cơ quan có liên quan để phối hợp. Trường hợp quyết định thuộc phạm vi pháp luật chuyên ngành điều chỉnh thì trình tự ban hành, hình thức và việc giao, gửi quyết định thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, đồng thời bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 17 của Luật này.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được quyết định có trách nhiệm tổ chức thực hiện ngay; ghi nhận thời điểm bắt đầu áp dụng, lập biên bản thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định; bảo quản tài sản, hàng hóa, tài liệu, dữ liệu và phương tiện bị áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật. Việc áp dụng biện pháp phải giới hạn trong phạm vi cần thiết để ngăn chặn nguy cơ, hành vi phổ biến, tái tạo phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Trong thời hạn áp dụng biện pháp, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phải tổ chức rà soát, xác minh và xử lý như sau:

a) Trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì ban hành quyết định chấm dứt ngay biện pháp và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện;

b) Trường hợp có căn cứ áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát hoặc biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật thì chuyển hồ sơ, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định;

c) Trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển hồ sơ, tài liệu, tang vật và thông tin liên quan cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật.

6. Việc chuyển sang áp dụng biện pháp khác phải có đủ căn cứ, điều kiện và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; không được sử dụng việc chuyển đổi biện pháp để kéo dài trái pháp luật thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp.

7. Thời hạn áp dụng, việc rà soát, chấm dứt và giải tỏa biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp thực hiện theo khoản 5 và khoản 6 Điều 17 của Luật này.

Trường hợp trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản theo Điều 24 của Luật này thì trình tự, thủ tục, thời hạn và chế độ thông tin, báo cáo thực hiện theo Điều 24 của Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

8. Cơ chế phối hợp thực hiện các biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được quy định như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, xác minh, xử lý vụ việc trong phạm vi thẩm quyền; kịp thời thông báo cho cơ quan có liên quan để phối hợp;

b) Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm điều phối việc trao đổi, chia sẻ thông tin, xác minh và phối hợp xử lý vụ việc liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương; theo dõi, tổng hợp kết quả xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Bộ Công an chủ trì thực hiện các biện pháp thuộc thẩm quyền khi vụ việc có dấu hiệu tội phạm hoặc liên quan đến an ninh, trật tự; phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong xác minh, ngăn chặn và xử lý;

d) Bộ Quốc phòng và các cơ quan, lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện biện pháp thuộc thẩm quyền; phối hợp với Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương trong xử lý vụ việc liên quan đến quốc phòng, an ninh, biên giới, biển, đảo và các địa bàn, mục tiêu thuộc phạm vi quản lý;

đ) Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp cung cấp thông tin, xác minh, áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền; bảo đảm lực lượng, phương tiện và điều kiện cần thiết để xử lý vụ việc;

e) Đối với giao dịch liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, việc tiếp nhận, xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ thực hiện thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

9. Kết quả áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được thông báo cho Cơ quan đầu mối quốc gia để theo dõi, tổng hợp. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc áp dụng, chấm dứt hoặc chuyển sang áp dụng biện pháp khác được quản lý, lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Mục 3. CHƯƠNG TRÌNH TUÂN THỦ NỘI BỘ VÀ CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Điều 20. Thẩm quyền xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ và công nhận chế độ ưu tiên

1. Bộ Quốc phòng xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại Điều 18 của Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Bộ Quốc phòng quyết định công nhận, gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên; tạm đình chỉ, chấm dứt, hủy bỏ chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp quy định tại Điều 19 của Luật.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Quốc phòng đánh giá Chương trình tuân thủ nội bộ, điều kiện công nhận và duy trì chế độ ưu tiên đối với hoạt động thuộc phạm vi quản lý;

b) Cung cấp thông tin về việc chấp hành pháp luật, kết quả cấp phép, kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm và thông tin cần thiết khác phục vụ việc đánh giá;

c) Tổ chức áp dụng các chế độ ưu tiên thuộc phạm vi quản lý theo quyết định công nhận chế độ ưu tiên và quy định của pháp luật;

d) Theo dõi, phát hiện và thông báo kịp thời cho Bộ Quốc phòng trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không còn đáp ứng điều kiện hoặc có dấu hiệu vi phạm làm ảnh hưởng đến việc áp dụng chế độ ưu tiên.

4. Trường hợp Chương trình tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo pháp luật về kiểm soát thương mại chiến lược hoặc pháp luật chuyên ngành, Bộ Quốc phòng sử dụng kết quả xác nhận, đánh giá đã có đối với nội dung tương ứng; không yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp thực hiện lại việc đánh giá, cung cấp lại thông tin, tài liệu đã có, trừ trường hợp có thay đổi hoặc có căn cứ xác định cần kiểm tra, xác minh để đánh giá điều kiện quy định tại Điều 18 của Luật.

5. Việc xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ và công nhận chế độ ưu tiên không thay thế giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận và các điều kiện quản lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 21. Trình tự, thủ tục xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ

1. Tổ chức, doanh nghiệp có Chương trình tuân thủ nội bộ đáp ứng nội dung quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận đến Bộ Quốc phòng bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm:

- a) Văn bản đề nghị xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ;
- b) Chương trình tuân thủ nội bộ và tài liệu mô tả việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật;
- c) Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tuân thủ nội bộ tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình đến thời điểm đề nghị xác nhận nhưng không quá 02 năm, trong đó làm rõ việc nhận diện, đánh giá, quản lý rủi ro; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; quản lý thông tin, lưu giữ hồ sơ; đào tạo, kiểm tra, đánh giá; phát hiện, báo cáo và xử lý vi phạm;
- d) Quyết định hoặc văn bản xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp theo pháp luật khác, nếu có.

Tổ chức, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin, tài liệu cơ quan giải quyết có thể khai thác từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Quốc phòng kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Bộ Quốc phòng thông báo một lần bằng văn bản hoặc trên môi trường điện tử về toàn bộ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Quốc phòng thực hiện các công việc sau:

- a) Đánh giá nội dung và việc tổ chức thực hiện Chương trình tuân thủ nội bộ;
- b) Khai thác, đối chiếu thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp;
- c) Lấy ý kiến bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành có liên quan khi cần thiết;
- d) Quyết định việc kiểm tra thực tế tại trụ sở, địa điểm sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp khi cần xác minh việc vận hành thực tế của Chương trình.

5. Việc kiểm tra thực tế tập trung vào các nội dung sau:

- a) Cơ cấu tổ chức, phân công trách nhiệm và đầu mối thực hiện Chương trình;
- b) Quy trình nhận diện, đánh giá, quản lý rủi ro;

- c) Quy trình kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng;
- d) Hệ thống thông tin, quản lý và lưu giữ hồ sơ;
- đ) Hoạt động đào tạo, tự kiểm tra, đánh giá và cập nhật Chương trình;
- e) Cơ chế phát hiện, báo cáo, xử lý vi phạm và biện pháp khắc phục;
- g) Việc vận hành thực tế Chương trình so với nội dung hồ sơ đề nghị xác nhận.

Việc kiểm tra không mở rộng sang nội dung không liên quan đến việc xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ.

6. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc đánh giá hồ sơ hoặc kết thúc kiểm tra thực tế, Bộ Quốc phòng:

- a) Ban hành quyết định xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ nếu đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 18 của Luật; hoặc
- b) Có văn bản từ chối xác nhận, nêu rõ lý do và nội dung chưa đáp ứng.

7. Quyết định xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ có thời hạn 05 năm kể từ ngày ký.

8. Trong thời hạn hiệu lực của quyết định xác nhận, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm:

- a) Duy trì việc thực hiện Chương trình đã được xác nhận;
- b) Rà soát, cập nhật Chương trình khi có thay đổi về pháp luật, cơ cấu tổ chức, lĩnh vực hoạt động, hàng hóa, công nghệ, chuỗi cung ứng hoặc yếu tố rủi ro có liên quan;
- c) Thông báo cho Bộ Quốc phòng về thay đổi làm ảnh hưởng đến nội dung đã được xác nhận;
- d) Cung cấp thông tin, tài liệu và phối hợp kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

9. Trường hợp thay đổi làm ảnh hưởng cơ bản đến nội dung Chương trình đã được xác nhận, Bộ Quốc phòng xem xét xác nhận nội dung thay đổi. Trường hợp thay đổi không làm thay đổi bản chất, phạm vi hoặc hiệu quả của Chương trình, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thông báo mà không phải thực hiện lại thủ tục xác nhận.

Điều 22. Trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên

1. Tổ chức, doanh nghiệp có Chương trình tuân thủ nội bộ đã được xác nhận và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật được đề nghị công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận chế độ ưu tiên gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận chế độ ưu tiên, trong đó xác định chế độ ưu tiên đề nghị áp dụng;

b) Báo cáo việc duy trì và thực hiện Chương trình tuân thủ nội bộ;

c) Báo cáo việc chấp hành pháp luật, thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, cung cấp thông tin và phối hợp xác minh trong thời gian 02 năm gần nhất hoặc từ khi bắt đầu hoạt động đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động chưa đủ 02 năm;

d) Tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật mà cơ quan nhà nước chưa có hoặc chưa thể khai thác từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.

Không yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp nộp lại quyết định xác nhận Chương trình tuân thủ nội bộ và thông tin, tài liệu đã có tại cơ quan nhà nước.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Quốc phòng kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thông báo một lần để tổ chức, doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật, tập trung vào:

a) Hiệu quả thực tế của Chương trình tuân thủ nội bộ;

b) Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực có liên quan;

c) Kết quả tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục sai sót, vi phạm;

d) Việc thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, cung cấp thông tin và phối hợp xác minh;

đ) Mức độ rủi ro của hàng hóa, dịch vụ, hoạt động, thị trường, đối tác, người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng;

e) Khả năng quản lý, kiểm soát rủi ro của tổ chức, doanh nghiệp.

5. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp không thống nhất phải nêu rõ lý do và căn cứ.

6. Trường hợp cần thiết, Bộ Quốc phòng sử dụng kết quả kiểm tra thực tế Chương trình tuân thủ nội bộ hoặc tổ chức kiểm tra bổ sung những nội dung liên quan trực tiếp đến điều kiện công nhận chế độ ưu tiên. Không kiểm tra lại nội dung đã được kiểm tra, xác nhận nếu không có thay đổi hoặc dấu hiệu rủi ro mới.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian tổ chức, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, Bộ Quốc phòng quyết định:

a) Công nhận và áp dụng một hoặc một số chế độ ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật; hoặc

b) Không công nhận chế độ ưu tiên và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Trường hợp vụ việc phức tạp, cần xác minh với nhiều cơ quan hoặc xác minh thông tin ngoài lãnh thổ Việt Nam, thời hạn có thể được kéo dài một lần nhưng không quá 15 ngày; việc kéo dài phải được thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp.

8. Quyết định công nhận chế độ ưu tiên phải xác định:

- a) Tổ chức, doanh nghiệp được công nhận;
- b) Phạm vi hàng hóa, dịch vụ, hoạt động được áp dụng;
- c) Một hoặc một số chế độ ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật;
- d) Cơ quan có trách nhiệm thực hiện;
- đ) Thời hạn áp dụng;
- e) Trách nhiệm duy trì điều kiện và cung cấp thông tin của tổ chức, doanh nghiệp.

9. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 03 năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

10. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày hết thời hạn áp dụng, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên gửi văn bản đề nghị gia hạn và báo cáo việc duy trì điều kiện đến Bộ Quốc phòng.

Bộ Quốc phòng căn cứ thông tin quản lý, kết quả theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp để quyết định gia hạn trong thời hạn 10 ngày làm việc. Mỗi lần gia hạn có thời hạn 03 năm.

Trường hợp thông tin đã có đủ để xác định việc duy trì điều kiện thì không yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp cung cấp lại hồ sơ đã có.

11. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận hoặc gia hạn có hiệu lực, cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan cập nhật trạng thái ưu tiên trên hệ thống quản lý và tổ chức áp dụng các chế độ ưu tiên thuộc phạm vi quản lý.

12. Việc áp dụng chế độ ưu tiên không loại trừ việc kiểm tra, xác minh hoặc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát khi có dấu hiệu rủi ro, vi phạm hoặc căn cứ áp dụng biện pháp theo Luật và pháp luật có liên quan.

Điều 23. Tạm đình chỉ, hủy bỏ, chấm dứt chế độ ưu tiên

1. Bộ Quốc phòng quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo, yêu cầu khắc phục;

b) Có căn cứ xác định tổ chức, doanh nghiệp không duy trì đầy đủ một hoặc một số điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật nhưng có khả năng khắc phục;

c) Có thông tin, dấu hiệu rủi ro cần xác minh và việc tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên có thể ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, kiểm soát;

d) Tổ chức, doanh nghiệp không thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu hoặc không phối hợp kiểm tra, xác minh mà không có lý do chính đáng.

2. Thời hạn tạm đình chỉ không quá 90 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực. Quyết định tạm đình chỉ phải xác định lý do, phạm vi chế độ ưu tiên bị tạm đình chỉ, yêu cầu cần khắc phục và thời hạn thực hiện.

3. Trong thời hạn tạm đình chỉ:

a) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện biện pháp khắc phục và gửi báo cáo, tài liệu chứng minh kết quả đến Bộ Quốc phòng;

b) Bộ Quốc phòng phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra kết quả khắc phục khi cần thiết;

c) Trường hợp đã khắc phục và đáp ứng đầy đủ điều kiện, Bộ Quốc phòng quyết định chấm dứt việc tạm đình chỉ và khôi phục chế độ ưu tiên;

d) Trường hợp hết thời hạn tạm đình chỉ mà không khắc phục hoặc không còn đáp ứng điều kiện, Bộ Quốc phòng xem xét chấm dứt chế độ ưu tiên.

4. Chế độ ưu tiên bị chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp có văn bản đề nghị chấm dứt áp dụng chế độ ưu tiên;

b) Tổ chức, doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động thuộc phạm vi được áp dụng chế độ ưu tiên;

c) Hết thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên mà tổ chức, doanh nghiệp không đề nghị gia hạn;

d) Tổ chức, doanh nghiệp không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật và không khắc phục trong thời hạn tạm đình chỉ;

đ) Có thay đổi về hoạt động làm cho việc tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên không còn phù hợp.

5. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị chấm dứt chế độ ưu tiên, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Quốc phòng ban hành quyết định chấm dứt.

6. Chế độ ưu tiên bị hủy bỏ khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị công nhận chế độ ưu tiên có thông tin, tài liệu giả mạo hoặc không đúng sự thật làm thay đổi kết quả đánh giá, công nhận;

b) Tổ chức, doanh nghiệp cố ý che giấu thông tin quan trọng liên quan đến điều kiện công nhận hoặc duy trì chế độ ưu tiên;

c) Lợi dụng chế độ ưu tiên để thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 7 của Luật hoặc hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật có liên quan đến phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Quyết định công nhận chế độ ưu tiên được ban hành không đúng thẩm quyền, đối tượng hoặc điều kiện theo quy định của pháp luật và không thể khắc phục bằng việc sửa đổi, bổ sung quyết định.

7. Trước khi quyết định chấm dứt theo điểm d khoản 4 hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên theo khoản 6 Điều này, Bộ Quốc phòng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp về căn cứ dự kiến áp dụng và dành thời hạn 05 ngày làm việc để giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu. Hết thời hạn mà tổ chức, doanh nghiệp không giải trình thì Bộ Quốc phòng xem xét trên cơ sở hồ sơ hiện có.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giải trình hoặc hết thời hạn giải trình, Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định giữ nguyên chế độ ưu tiên, tạm đình chỉ, chấm dứt hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên.

Trường hợp cần xử lý ngay để ngăn ngừa nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, Bộ Quốc phòng quyết định tạm đình chỉ trước và tổ chức xác minh theo quy định tại Điều này.

9. Quyết định tạm đình chỉ, chấm dứt, hủy bỏ hoặc khôi phục chế độ ưu tiên được gửi đến tổ chức, doanh nghiệp và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành để cập nhật và tổ chức thực hiện.

10. Việc tạm đình chỉ, chấm dứt hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên không thay thế việc xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương IV

DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BỊ CHỈ ĐỊNH; PHONG TỎA TÀI KHOẢN, NIÊM PHONG, PHONG TỎA, TẠM GIỮ, GIẢI TỎA TÀI SẢN VÀ BẢO VỆ QUYỀN, LỢI ÍCH CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BỊ CHỈ ĐỊNH, NGƯỜI CÓ QUYỀN, LỢI ÍCH LIÊN QUAN VÀ BÊN THỨ BA NGAY TÌNH

Mục 1. DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BỊ CHỈ ĐỊNH

Điều 24. Cập nhật, thông báo và công bố Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi cơ quan có thẩm quyền của Liên hợp quốc, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cập nhật thông tin, đưa vào danh sách, đưa ra khỏi danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng; có văn bản trao đổi các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 của Luật; hướng dẫn các đối tượng báo cáo và các tổ chức, cá nhân khác thực hiện các biện pháp tri hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong,

phong tỏa, tạm giữ tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 25. Đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định

1. Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm lập hồ sơ, thẩm định và báo cáo Trưởng Cơ quan đầu mỗi quốc gia xem xét đề nghị đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Việt Nam. Hồ sơ đề nghị đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Việt Nam bao gồm: Tờ trình gửi Trưởng Cơ quan đầu mỗi quốc gia và các thông tin, tài liệu đáng tin cậy để chứng minh tổ chức, cá nhân đủ tiêu chí đề nghị đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Việt Nam theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 của Luật.

Khi nhận được báo cáo của Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, Trưởng Cơ quan đầu mỗi quốc gia có trách nhiệm xem xét đề nghị đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Việt Nam; xin ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan để Trưởng Cơ quan đầu mỗi quốc gia có cơ sở quyết định đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Việt Nam hoặc do các quốc gia khác yêu cầu.

2. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân thỏa mãn tiêu chí để xác định là tổ chức, cá nhân liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc được ban hành trên cơ sở Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc mà chưa được đưa vào Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc thì Cơ quan đầu mỗi quốc gia chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan lập danh sách, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Liên hợp quốc đưa tổ chức, cá nhân đó vào Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhưng không thỏa mãn tiêu chí để xác định là tổ chức, cá nhân liên quan phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc được ban hành trên cơ sở Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc thì Cơ quan đầu mỗi quốc gia chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Liên hợp quốc đưa tổ chức, cá nhân đó ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Điều 26. Tiếp nhận, xử lý yêu cầu của quốc gia khác xác định tổ chức, cá nhân liên quan hoặc không liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và đề nghị quốc gia khác xác định tổ chức, cá nhân liên quan hoặc không liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Khi nhận được yêu cầu của quốc gia khác về việc xác định tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc không liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan xem xét. Nếu có cơ sở hợp lý để cho rằng tổ chức, cá nhân đó có liên quan hoặc không liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì Trưởng Cơ quan đầu mối quốc gia quyết định đưa hoặc không đưa tổ chức, cá nhân đó vào Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định của Việt Nam và thông báo cho quốc gia có yêu cầu biết.

2. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân thỏa mãn tiêu chí để xác định là tổ chức, cá nhân liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc được ban hành trên cơ sở Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc nhưng chưa được quốc gia có liên quan xác định là tổ chức, cá nhân có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc đề nghị quốc gia có liên quan xác định tổ chức, cá nhân đó có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Khi thấy tổ chức, cá nhân bị quốc gia khác xác định là tổ chức, cá nhân liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhưng không phù hợp với tiêu chí quy định trong các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc được ban hành trên cơ sở Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc thì Cơ quan đầu mối quốc gia chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ có văn bản đề nghị quốc gia có liên quan đưa tổ chức, cá nhân đó ra khỏi danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Mục 2. PHONG TỎA TÀI KHOẢN, NIÊM PHONG, PHONG TỎA, TẠM GIỮ, GIẢI TỎA TÀI SẢN VÀ BẢO VỆ QUYỀN, LỢI ÍCH CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BỊ CHỈ ĐỊNH, NGƯỜI CÓ QUYỀN, LỢI ÍCH LIÊN QUAN VÀ BÊN THỨ BA NGAY TÌNH

Điều 27. Thẩm quyền phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa, tạm giữ tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Trưởng Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt quyết định phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản trên phạm vi toàn quốc đối với tài sản của tổ chức, cá nhân bị chỉ định

và tài sản có liên quan đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định theo quy định tại Điều 24 của Luật.

2. Trưởng Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của Bộ Công an quyết định áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này đối với tài sản có căn cứ xác định liên quan đến hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được phát hiện trong quá trình thực hiện chức năng bảo vệ an ninh quốc gia, phòng, chống tội phạm, xác minh, điều tra và xử lý vụ việc thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trưởng Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của địa phương quyết định áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này đối với tài sản trên địa bàn thuộc vụ việc do địa phương phát hiện, xác minh, xử lý theo thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp tài sản đang bị áp dụng biện pháp theo pháp luật về tố tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính, hải quan, thi hành án hoặc pháp luật chuyên ngành khác thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện theo pháp luật tương ứng.

Điều 28. Phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa, tạm giữ tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thông qua hoạt động tài chính, hoạt động kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan

1. Qua hoạt động nghiệp vụ hoặc tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác của tổ chức, cá nhân mà có căn cứ để nghi ngờ tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt lưu thông trong hoạt động tài chính hoặc hoạt động kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan, Trưởng Cơ quan đầu mối quốc gia có văn bản yêu cầu đối tượng báo cáo thực hiện ngay biện pháp trì hoãn giao dịch; đồng thời thông báo cho Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có liên quan để kiểm tra, xác minh, làm rõ.

2. Trong thời hạn 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Cơ quan đầu mối quốc gia, Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, làm rõ. Trường hợp xác định tiền, tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì báo cáo Trưởng Cơ quan đầu mối quốc gia ra quyết định phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa, tạm giữ đối với tài sản đó để xử lý theo quy định pháp luật; nếu xác định tiền, tài sản đó không liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì báo cáo Trưởng Cơ quan đầu mối quốc gia có văn bản yêu cầu đối tượng báo cáo chấm dứt ngay việc trì hoãn giao dịch.

3. Trong thời hạn 72 giờ kể từ khi có quyết định phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa, tạm giữ đối với tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, Trưởng Cơ quan đầu mối quốc gia xem xét, quyết định việc xử lý tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố.

Điều 29. Trình tự, thủ tục kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định, người có quyền, lợi ích liên quan và bên thứ ba ngay tình

1. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định, người có quyền, lợi ích liên quan và bên thứ ba ngay tình gửi hồ sơ kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản đến Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Hồ sơ kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản gồm: văn bản đề nghị và các thông tin, tài liệu đáng tin cậy để chứng minh.

3. Trường hợp đáp ứng quy định tại khoản 9 Điều 24 của luật, Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tiến hành giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản.

Chương V

THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VÀ CẢNH BÁO SỚM

Điều 30. Xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Bộ Quốc phòng là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, nâng cấp và phát triển Cơ sở dữ liệu.

Cơ quan, đơn vị được Bộ Quốc phòng giao trực tiếp quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu thực hiện nhiệm vụ quản trị hệ thống, quản trị dữ liệu, hỗ trợ kết nối, khai thác, sử dụng và các nhiệm vụ kỹ thuật khác theo phân công.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu và pháp luật có liên quan;

b) Phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan;

c) Bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin có liên quan;

d) Dữ liệu được chuẩn hóa, có nguồn xác định, có khả năng kiểm tra, đối chiếu, truy xuất nguồn gốc và quản lý lịch sử cập nhật;

đ) Không thu thập lại hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp lại dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và có thể kết nối, chia sẻ, khai thác được, trừ trường hợp cần xác minh, đối chiếu hoặc dữ liệu chưa bảo đảm chất lượng theo quy định;

e) Bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, có khả năng mở rộng, nâng cấp và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, phân tích, đánh giá rủi ro và cảnh báo sớm về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu bao gồm:

- a) Quản trị hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và tài khoản sử dụng;
- b) Quản trị, chuẩn hóa, kiểm tra và bảo đảm chất lượng dữ liệu;
- c) Theo dõi hoạt động cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu;
- d) Sao lưu, phục hồi, duy trì hoạt động liên tục; bảo trì, sửa chữa, nâng cấp hệ thống;
- đ) Theo dõi, ghi nhật ký và kiểm tra việc truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu;
- e) Phát hiện, xử lý sai lệch, trùng lặp, thiếu hoặc không thống nhất của dữ liệu;
- g) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin và dữ liệu;
- h) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, đánh giá hiệu quả vận hành Cơ sở dữ liệu.

4. Cơ quan cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp và kịp thời của dữ liệu do mình tạo lập, quản lý và cung cấp. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu chịu trách nhiệm về việc tiếp nhận, quản trị, lưu trữ, kết nối và bảo đảm chất lượng kỹ thuật của dữ liệu sau khi được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

5. Trường hợp phát hiện dữ liệu không thống nhất giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và cơ sở dữ liệu nguồn, cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu phối hợp với cơ quan tạo lập, quản lý dữ liệu kiểm tra, đối soát. Việc sửa đổi nội dung dữ liệu thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tạo lập, quản lý dữ liệu đó.

6. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu theo quy định tại Điều này.

Điều 31. Cập nhật, kết nối, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có liên quan có trách nhiệm cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Dữ liệu phải được cập nhật từ cơ quan, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thẩm quyền tạo lập hoặc quản lý dữ liệu;

b) Ưu tiên cập nhật tự động thông qua kết nối, chia sẻ, đồng bộ giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

c) Dữ liệu phát sinh từ quá trình xử lý nghiệp vụ điện tử được đồng bộ sau khi hoàn thành quy trình nghiệp vụ theo cơ chế kỹ thuật được thiết lập;

d) Dữ liệu chưa thực hiện được việc kết nối, đồng bộ tự động phải được cập nhật kịp thời sau khi phát sinh, thay đổi hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

đ) Thông tin về Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, thay đổi Danh mục kiểm soát, cảnh báo rủi ro và thông tin cần xử lý khẩn cấp phải được cập nhật ngay sau khi văn bản, quyết định hoặc thông tin chính thức có hiệu lực hoặc được tiếp nhận;

e) Việc cập nhật phải bảo đảm đầy đủ thông tin về nguồn dữ liệu, thời điểm tạo lập, thời điểm cập nhật và cơ quan chịu trách nhiệm về dữ liệu.

3. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; kịp thời cập nhật, điều chỉnh khi phát hiện dữ liệu thiếu, sai lệch, không còn phù hợp hoặc khi có thay đổi. Trường hợp nhận được yêu cầu đối soát của cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu, cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra và phản hồi kết quả; trường hợp dữ liệu cần xử lý khẩn cấp phải thực hiện ngay.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu và kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm:

a) Đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mục đích sử dụng;

b) Sử dụng thống nhất dữ liệu chủ, mã định danh, danh mục dùng chung và tiêu chuẩn kỹ thuật;

c) Thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu hoặc phương thức kết nối khác theo quy định của pháp luật;

d) Có cơ chế xác thực, phân quyền, giám sát và truy vết quá trình kết nối, chia sẻ;

đ) Không làm thay đổi nội dung dữ liệu nguồn nếu không có thẩm quyền;

e) Dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu quốc phòng, an ninh, dữ liệu cá nhân và dữ liệu có yêu cầu bảo vệ đặc biệt chỉ được kết nối, chia sẻ theo phạm vi, phương thức và biện pháp bảo vệ do pháp luật quy định.

5. Cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng để phục vụ:

a) Quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Đánh giá rủi ro quốc gia, quản lý rủi ro, kiểm soát hàng hóa, dịch vụ, hoạt động có liên quan;

c) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng và chủ thể có liên quan;

d) Thực hiện các biện pháp phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Cảnh báo sớm, trao đổi thông tin, phối hợp liên ngành;

e) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Chủ thể được khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu bao gồm:

a) Bộ Quốc phòng khai thác, sử dụng dữ liệu theo phạm vi nhiệm vụ quản lý nhà nước và nhiệm vụ của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan nhà nước có liên quan được khai thác dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi được phân quyền;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được khai thác thông tin, dữ liệu được phép cung cấp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện bằng một hoặc một số phương thức sau đây:

a) Truy cập trực tiếp vào Cơ sở dữ liệu theo tài khoản và quyền được cấp;

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

c) Tra cứu, khai thác báo cáo, thống kê, dữ liệu tổng hợp hoặc bản điện tử;

d) Cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

8. Người khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm:

a) Sử dụng đúng mục đích, phạm vi và quyền được cấp;

b) Không truy cập, sao chép, cung cấp, chuyển giao, sửa đổi hoặc sử dụng dữ liệu trái thẩm quyền;

c) Bảo vệ tài khoản, phương tiện và thông tin xác thực được cấp;

d) Tuân thủ yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và các yêu cầu bảo mật khác;

đ) Chịu trách nhiệm về việc khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

9. Hoạt động truy cập, khai thác, cập nhật, sửa đổi, chia sẻ dữ liệu phải được ghi nhận, lưu vết trên hệ thống để phục vụ kiểm tra, giám sát và xử lý khi cần thiết.

Điều 32. Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Việc bảo đảm an toàn, an ninh Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trong toàn bộ quá trình thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng và xử lý dữ liệu theo quy định của pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu và pháp luật có liên quan.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Tổ chức xác định, phê duyệt cấp độ an toàn của Hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn, an ninh theo quy định của pháp luật;

b) Thiết lập cơ chế quản lý danh tính, xác thực và phân quyền truy cập phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mức độ cần thiết của người sử dụng;

c) Tổ chức giám sát an toàn, an ninh; quản lý nhật ký hệ thống; phát hiện, cảnh báo và xử lý hành vi truy cập, khai thác bất thường hoặc trái phép;

d) Tổ chức sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu và hệ thống; bảo đảm khả năng hoạt động liên tục khi xảy ra sự cố;

đ) Thực hiện kiểm tra, đánh giá rủi ro, kiểm tra an ninh mạng, an toàn hệ thống thông tin theo quy định;

e) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ứng phó, khắc phục sự cố; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền về an ninh mạng, an toàn thông tin, cơ yếu trong xử lý sự cố;

g) Tổ chức đào tạo, tập huấn, quản lý nhân lực được giao quản trị, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu.

3. Cơ quan kết nối, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh đối với hệ thống thông tin, thiết bị và điểm kết nối thuộc phạm vi quản lý của mình; quản lý người sử dụng, tài khoản và quyền truy cập; kịp thời thông báo cho Bộ Quốc phòng khi phát hiện nguy cơ, sự cố hoặc hành vi có khả năng ảnh hưởng đến Cơ sở dữ liệu.

4. Dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước phải được quản lý, lưu trữ, truyền đưa, sao chép, khai thác và sử dụng theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và cơ yếu.

Dữ liệu cá nhân được xử lý theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng khi thuộc danh mục do cơ quan có thẩm quyền xác định được quản lý, bảo vệ theo pháp luật về dữ liệu.

5. Việc cung cấp, kết nối, chia sẻ dữ liệu ra ngoài hệ thống phải xác định rõ chủ thể tiếp nhận, mục đích, phạm vi, loại dữ liệu, phương thức sử dụng và biện pháp bảo vệ phù hợp; bảo đảm có khả năng kiểm soát, giám sát và truy vết.

6. Khi xảy ra sự cố có nguy cơ làm mất, sai lệch, lộ, lọt, phá hủy dữ liệu hoặc làm gián đoạn hoạt động của Hệ thống thông tin, cơ quan, đơn vị phát hiện phải:

- a) Thực hiện ngay biện pháp thuộc thẩm quyền để ngăn chặn, hạn chế hậu quả;
- b) Bảo toàn thông tin, nhật ký và tài liệu có liên quan phục vụ xác minh;
- c) Thông báo ngay cho cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu và cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật;
- d) Phối hợp cô lập, khắc phục, phục hồi hệ thống và dữ liệu;
- đ) Đánh giá nguyên nhân, hậu quả, nguy cơ tái diễn và thực hiện biện pháp phòng ngừa.

7. Không kết nối hoặc tạm thời ngắt kết nối hệ thống thông tin, tài khoản hoặc điểm kết nối có nguy cơ gây mất an toàn, an ninh cho Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu. Việc khôi phục kết nối được thực hiện sau khi nguy cơ đã được khắc phục và đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh.

Chương VI

CƠ QUAN ĐẦU MỐI QUỐC GIA; LỰC LƯỢNG CHUYÊN TRÁCH; ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP; DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đầu mối quốc gia

1. Tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên phạm vi cả nước; đề xuất chủ trương, chương trình, kế hoạch, giải pháp liên ngành về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch và các nhiệm vụ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- b) Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình, nguy cơ, rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đề xuất biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật;
- c) Điều phối việc trao đổi, chia sẻ, xác minh thông tin và phối hợp xử lý vụ việc có liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương hoặc vượt quá phạm vi xử lý của một bộ, ngành, địa phương;
- d) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đánh giá rủi ro quốc gia, xây dựng, rà soát, cập nhật Danh mục kiểm soát, cơ sở dữ liệu quốc gia và cảnh báo sớm về phòng,

chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này và Nghị định này;

đ) Tổng hợp tình hình thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù, quản lý, kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập, nghiên cứu khoa học và nâng cao năng lực về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin và thực hiện nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, tổng hợp và xử lý theo thẩm quyền thông tin, báo cáo, cảnh báo, đề nghị phối hợp của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức trong nước, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và tổ chức quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền để xác minh, xử lý và theo dõi, tổng hợp kết quả xử lý.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tham mưu thực hiện báo cáo quốc gia theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và nghị quyết có liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

5. Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, Cơ quan đầu mối quốc gia có quyền:

a) Yêu cầu cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của bộ, ngành, địa phương cung cấp, cập nhật, xác minh thông tin, dữ liệu, báo cáo thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

b) Đề nghị bộ, ngành, địa phương và cơ quan có thẩm quyền xác minh thông tin, đánh giá nguy cơ, rủi ro và áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức hội nghị, cuộc họp, tham vấn liên ngành; đề nghị bộ, ngành, địa phương cử đại diện, chuyên gia tham gia giải quyết vấn đề liên ngành về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với vấn đề vượt thẩm quyền hoặc vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các bộ, ngành, địa phương.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Cơ chế hoạt động và điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ quan đầu mối quốc gia hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, phối hợp liên ngành; bảo đảm kịp thời, thường xuyên, liên tục; đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tham gia phối hợp.

Việc điều phối của Cơ quan đầu mối quốc gia không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia; phân công một lãnh đạo Bộ Quốc phòng phụ trách và ban hành Quy chế hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia.

3. Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện nhiệm vụ thông qua Cơ quan thường trực và cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của các bộ, ngành, địa phương.

4. Cơ quan đầu mối quốc gia giải quyết công việc thông qua các hình thức sau đây:

- a) Hội nghị, cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất;
- b) Lấy ý kiến bằng văn bản;
- c) Trao đổi thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hoặc bằng phương thức điện tử phù hợp;
- d) Thành lập hoặc đề nghị thành lập tổ công tác liên ngành theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ cụ thể;
- đ) Các hình thức phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Việc phối hợp giải quyết vụ việc được thực hiện như sau:

a) Vụ việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một bộ, ngành hoặc địa phương thì cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương đó chủ trì xử lý và thông báo kết quả cho Cơ quan đầu mối quốc gia;

b) Vụ việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều bộ, ngành, địa phương thì Cơ quan đầu mối quốc gia chủ trì điều phối việc phối hợp xử lý; cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành chủ trì thực hiện biện pháp thuộc thẩm quyền;

c) Vụ việc vượt thẩm quyền hoặc còn có ý kiến khác nhau giữa các bộ, ngành, địa phương thì Cơ quan đầu mối quốc gia tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Trường hợp phát sinh nguy cơ, vụ việc cần xử lý khẩn cấp, Cơ quan đầu mối quốc gia, Cơ quan thường trực và cơ quan có liên quan tổ chức trao đổi, phối

hợp xử lý ngay theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin, báo cáo và phối hợp thực hiện yêu cầu của Cơ quan đầu mối quốc gia thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; trường hợp không thực hiện được hoặc cần kéo dài thời gian xử lý phải thông báo, nêu rõ lý do.

7. Điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia gồm:

a) Nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ;

b) Trụ sở làm việc, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ, hệ thống thông tin liên lạc, hạ tầng số và cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động;

c) Các điều kiện bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và chế độ trực, tiếp nhận, xử lý thông tin, cảnh báo;

d) Kinh phí hoạt động được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Quốc phòng và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Cơ quan thường trực của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Binh chủng Hóa học thuộc Bộ Quốc phòng là Cơ quan thường trực của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ quan thường trực có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham mưu, giúp Cơ quan đầu mối quốc gia tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 33 Nghị định này; giải quyết công việc thường xuyên của Cơ quan đầu mối quốc gia theo phân công;

b) Tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, phân tích thông tin, dữ liệu, báo cáo, cảnh báo và đề nghị phối hợp về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đề xuất việc chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền để xác minh, xử lý;

c) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của các bộ, ngành, địa phương; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp giải quyết;

d) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo, tài liệu, hội nghị, cuộc họp và các hoạt động phối hợp của Cơ quan đầu mối quốc gia;

đ) Là đầu mối thường xuyên trao đổi, chia sẻ thông tin với cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan;

e) Thực hiện nhiệm vụ được giao về xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ chế cảnh báo sớm về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Nghị định này;

g) Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

h) Quản lý hồ sơ, tài liệu của Cơ quan đầu mối quốc gia; thực hiện quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn, an ninh thông tin;

i) Xây dựng nhu cầu về nhân lực, kinh phí, phương tiện, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia, báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

k) Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, lãnh đạo Bộ Quốc phòng phụ trách Cơ quan đầu mối quốc gia giao.

3. Cơ quan thường trực được sử dụng tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật của Bộ Tư lệnh Hóa học và các nguồn lực khác được Bộ Quốc phòng giao để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 36. Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của các bộ, ngành, địa phương

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan có liên quan ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một cơ quan, đơn vị hiện có thuộc phạm vi quản lý làm Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, thực hiện chức năng đầu mối tham mưu, giúp người đứng đầu tổ chức thực hiện và phối hợp công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của bộ, ngành có nhiệm vụ:

a) Tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan tổ chức thực hiện công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với Cơ quan đầu mối quốc gia, Cơ quan thường trực và cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của bộ, ngành, địa phương khác thực hiện nhiệm vụ có liên quan;

c) Tiếp nhận, tổng hợp, phân tích và chuyển giao thông tin, dữ liệu, cảnh báo, yêu cầu phối hợp đến cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổng hợp, cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu, báo cáo thuộc phạm vi quản lý phục vụ đánh giá rủi ro quốc gia, xây dựng, rà soát Danh mục kiểm soát, cơ sở dữ liệu quốc gia và cảnh báo sớm;

đ) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

e) Phối hợp xác minh thông tin, đánh giá nguy cơ, rủi ro và xử lý vụ việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và theo yêu cầu phối hợp của Cơ quan đầu mối quốc gia;

g) Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giao.

3. Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của địa phương có nhiệm vụ:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên địa bàn;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan chuyên môn, cơ quan chức năng của địa phương tham mưu xử lý vụ việc thuộc phạm vi, thẩm quyền của địa phương;

c) Tiếp nhận, tổng hợp và cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo; tiếp nhận, chuyển giao cảnh báo và yêu cầu phối hợp đến cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn;

d) Phối hợp với Cơ quan đầu mối quốc gia, Cơ quan thường trực và cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của bộ, ngành trong xác minh thông tin, đánh giá nguy cơ, rủi ro, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát theo thẩm quyền;

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại địa phương; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

4. Cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của bộ, ngành, địa phương không thực hiện thay chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Bộ, ngành, địa phương thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đầu mối quốc gia về cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo khoản 1 Điều này và thông tin của cán bộ đầu mối; kịp thời thông báo khi có thay đổi.

Điều 37. Lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Bộ Quốc phòng

Lực lượng thường trực của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; lực lượng an ninh điều tra Bộ Quốc phòng; lực lượng quản lý, kiểm soát biên giới.

2. Bộ Công an

Lực lượng an ninh nội địa.

Điều 38. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập lực lượng nòng cốt

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan xây dựng chương trình khung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng lực lượng nòng cốt; nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

2. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thuộc lực lượng nòng cốt phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Lực lượng nòng cốt được huấn luyện, cập nhật kiến thức hằng năm. Việc bồi dưỡng, huấn luyện đột xuất được thực hiện khi có thay đổi về pháp luật, nguy cơ, rủi ro, phương thức, thủ đoạn, công nghệ hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng đối với lực lượng nòng cốt thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên lồng ghép với chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên ngành.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức diễn tập liên ngành cấp 05 năm một lần hoặc đột xuất khi cần thiết. Bộ, ngành, địa phương đưa nội dung phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt vào kế hoạch huấn luyện, tập huấn, diễn tập hằng năm; căn cứ mức độ rủi ro để tổ chức diễn tập bàn, mô phỏng, thực địa hoặc lồng ghép với diễn tập chuyên ngành khác, không bắt buộc tổ chức diễn tập độc lập hằng năm.

5. Sau đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, cơ quan chủ trì tổ chức đánh giá kết quả, xác định hạn chế, biện pháp khắc phục và cập nhật nội dung huấn luyện, phương án phối hợp, quy trình xử lý, dữ liệu, cảnh báo khi cần thiết.

Điều 39. Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được ban hành tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

2. Danh mục tại Phụ lục II xác định theo nhóm công năng, không quy định nhãn hiệu, kiểu loại thương mại, model hoặc thông số thuộc bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh. Tiêu chuẩn, quy chuẩn, thông số và yêu cầu kỹ thuật cụ thể của từng chủng loại thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc trang bị được xác định căn cứ chức năng, nhiệm vụ, kết quả đánh giá rủi ro, quy mô địa bàn, phương án ứng phó, tiêu chuẩn, định mức và khả năng ngân sách; ưu tiên kế thừa, dùng chung, kết nối với trang thiết bị, phương tiện hiện có của phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, hải quan, công an, y tế, khoa học và công nghệ, công thương, nông nghiệp và môi trường.

4. Việc mua sắm, quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn, điều chuyển, thanh lý trang thiết bị, phương tiện thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, tài sản công, đấu thầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật chuyên ngành và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát Phụ lục II; trường hợp cần bổ sung, loại bỏ nhóm trang thiết bị, phương tiện hoặc thay đổi phạm vi Danh mục thì trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định.

Chương VII

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 40. Chế độ trực phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Người thuộc lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi thực hiện nhiệm vụ trực thì được hưởng chế độ quy định tại Điều này.

2. Số lượng người trực, thời gian, hình thức trực do người đứng đầu lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt quyết định căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình, mức độ nguy cơ, rủi ro và bảo đảm sử dụng lực lượng phù hợp.

3. Người làm nhiệm vụ trực đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau mà chưa được hưởng chế độ tiền ăn thêm có cùng tính chất thì được hưởng tiền ăn thêm như sau:

a) Trực từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được hưởng bằng 0,5 lần mức tiền ăn cơ bản một ngày của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân;

b) Trực từ 04 giờ trở lên được hưởng bằng 1,0 lần mức tiền ăn cơ bản một ngày của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân.

4. Thời gian tính hưởng chế độ trực là thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ trực theo phân công của cấp có thẩm quyền.

5. Không tính hưởng chế độ quy định tại Điều này đối với:

a) Thời gian không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trực;

b) Thời gian nghỉ phép, nghỉ việc riêng, nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hoặc nghỉ khác theo quy định;

c) Thời gian đã được hưởng chế độ trực, tiền làm thêm giờ hoặc tiền ăn thêm có cùng tính chất theo quy định khác của pháp luật.

6. Trường hợp cùng một thời gian đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ có cùng tính chất thì áp dụng chế độ có mức hưởng cao nhất.

Điều 41. Chế độ phụ cấp đối với lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Người thuộc lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được hưởng chế độ phụ cấp quy định tại Điều này.

2. Mức hưởng

Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng phụ cấp theo mức 50% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

3. Thời gian hưởng

Phụ cấp được hưởng theo thời gian thực tế đảm nhiệm vị trí, chức danh, công việc.

4. Trường hợp không hưởng

Không hưởng phụ cấp trong thời gian sau đây:

- a) Nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên;
- b) Nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội từ 01 tháng trở lên;
- c) Tạm đình chỉ công tác, tạm giữ chức vụ, tạm dừng thực hiện nhiệm vụ chuyên trách;
- d) Không còn đảm nhiệm công việc, vị trí thuộc đối tượng hưởng phụ cấp.

5. Cách tính hưởng

Phụ cấp được tính và trả cùng kỳ lương hằng tháng. Trường hợp thời gian công tác thực tế không đủ tháng thì tính theo tỷ lệ số ngày thực tế làm việc.

6. Việc hưởng phụ cấp quy định tại Điều này không làm mất quyền hưởng phụ cấp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp cùng một điều kiện, tiêu chuẩn mà được hưởng nhiều chế độ có cùng tính chất thì được hưởng mức cao nhất.

Điều 42. Chế độ bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm

1. Người thuộc lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi trực tiếp làm việc, tiếp xúc hoặc hoạt động trong môi trường nguy hiểm, độc hại được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm quy định tại Điều này.

2. Mức hưởng

Mức bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm được xác định theo từng mức độ nguy hiểm, độc hại của công việc hoặc môi trường làm việc theo ngày thực tế làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ.

- a) Mức 1: bằng 0,2 lần mức lương cơ sở tính theo ngày đối với nhiệm vụ có yếu tố nguy hiểm;
- b) Mức 2: bằng 0,3 lần mức lương cơ sở tính theo ngày đối với nhiệm vụ có yếu tố độc hại, nguy hiểm;
- c) Mức 3: bằng 0,4 lần mức lương cơ sở tính theo ngày đối với nhiệm vụ có yếu tố đặc biệt độc hại, nguy hiểm, có nguy cơ cao ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng.

3. Thời gian hưởng

Chỉ tính hưởng đối với thời gian thực tế trực tiếp thực hiện công việc, nhiệm vụ trong môi trường nguy hiểm, độc hại.

4. Trường hợp không hưởng

Không hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm trong trường hợp điều kiện lao động đã được xác định là nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đã được tính đầy đủ trong chế độ tiền lương theo quy định mà pháp luật không cho phép hưởng đồng thời.

5. Cách tính hưởng

Mức bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm được tính theo ngày hoặc buổi thực tế làm việc. Trường hợp làm việc dưới 50% thời gian tiêu chuẩn của ngày làm việc thì tính 1/2 mức, từ 50% thời gian tiêu chuẩn trở lên thì tính cả ngày.

Điều 43. Chế độ tiền lương, tiền công, trợ cấp, chi phí đi lại, tiền ăn, phương tiện, bảo hộ, thông tin liên lạc đối với người được điều động, huy động tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Người được cơ quan, người có thẩm quyền điều động, huy động tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được hưởng chế quy định tại Điều này.

2. Đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Được cơ quan, tổ chức nơi công tác trả nguyên tiền lương theo ngạch, bậc, cấp hàm, chức vụ và các khoản phụ cấp đang hưởng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ;

b) Được hưởng trợ cấp theo ngày thực tế tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ theo mức do Chính phủ quy định;

c) Trường hợp thực hiện nhiệm vụ có tính chất đặc thù, độc hại, nguy hiểm thì được hưởng chế độ tương ứng theo Điều 39 Nghị định này.

3. Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Được hưởng trợ cấp ngày công lao động và tiền ăn như đối với Dân quân được huy động làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về Dân quân tự vệ;

b) Trường hợp làm nhiệm vụ vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau được hưởng trợ cấp ngày công lao động tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động đang hưởng;

c) Trường hợp thực hiện nhiệm vụ có tính chất đặc thù, độc hại, nguy hiểm thì được hưởng chế độ tương ứng theo Điều 39 Nghị định này.

4. Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động:

a) Được cơ quan huy động bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn và các khoản hỗ trợ theo khoản 3 Điều này;

b) Được doanh nghiệp, tổ chức chi trả tiền lương theo quy định của pháp luật về lao động; khoản chi được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Người được điều động, huy động tại địa bàn cách xa nơi cư trú hoặc nơi làm việc, không có điều kiện đi, về hằng ngày được:

- a) Bố trí nơi ăn, nghỉ;
- b) Bảo đảm phương tiện hoặc thanh toán chi phí đi lại;
- c) Cấp trang thiết bị bảo hộ cá nhân, vật tư, phương tiện kỹ thuật cần thiết;
- d) Bảo đảm phương tiện, chi phí thông tin, liên lạc phục vụ nhiệm vụ;
- đ) Bảo đảm các điều kiện y tế và an toàn cần thiết theo tính chất nhiệm vụ.

6. Cấp nào quyết định điều động, huy động thì cấp đó có trách nhiệm bảo đảm kinh phí chi trả các khoản trợ cấp, hỗ trợ thuộc trách nhiệm của cơ quan điều động, huy động, trừ tiền lương và chế độ thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức nơi người được điều động, huy động làm việc.

7. Việc chi trả phải công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp cùng một thời gian đủ điều kiện hưởng nhiều khoản trợ cấp, phụ cấp có cùng tính chất thì áp dụng mức cao nhất.

Điều 44. Chế độ, chính sách đối với người được điều động, huy động tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị ốm đau, tai nạn hoặc chết

1. Người được điều động, huy động tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc suy giảm khả năng lao động trong thời gian được điều động, huy động thì được quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Điều này và Điều 45 của Nghị định này.

2. Trường hợp người được điều động, huy động đang tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp người được điều động, huy động không tham gia bảo hiểm xã hội thì được Nhà nước hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp trong thời gian điều trị, trợ cấp khi bị suy giảm khả năng lao động hoặc chết theo mức do Chính phủ quy định.

4. Thân nhân của người được điều động, huy động bị chết trong khi thực hiện nhiệm vụ được hưởng chế độ mai táng phí, trợ cấp tiền tuất hoặc các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp đủ điều kiện xác nhận là người có công với cách mạng thì được xem xét, giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công.

6. Trường hợp bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng mà do nguyên nhân khách quan trong quá trình chấp hành quyết định điều động, huy động thì cơ quan, tổ chức điều động, huy động phải phối hợp lập hồ sơ, xác nhận sự việc và bảo đảm giải quyết kịp thời chế độ, chính sách cho người tham gia hoặc thân nhân của họ.

Điều 45. Điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục giải quyết chế độ, chính sách đối với người được điều động, huy động tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị ốm đau, bị tai nạn, bị chết

1. Người được hưởng chế độ, chính sách quy định tại Điều 44 của Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định điều động, huy động hoặc văn bản, tài liệu hợp pháp xác nhận việc tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Bị ốm đau, bị tai nạn, bị chết trong thời gian thực hiện nhiệm vụ hoặc trên đường đi, về từ nơi cư trú, nơi công tác đến nơi thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có hồ sơ y tế, hồ sơ tai nạn hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh tình trạng ốm đau, tai nạn, chết.

2. Mức hưởng

Mức hưởng chế độ, chính sách đối với từng trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị chết thực hiện theo mức do Chính phủ quy định trên cơ sở tính chất nhiệm vụ, mức độ thiệt hại và điều kiện ngân sách nhà nước.

3. Hồ sơ đề nghị giải quyết

a) Văn bản đề nghị giải quyết chế độ, chính sách;

b) Quyết định điều động, huy động hoặc văn bản, tài liệu hợp pháp xác nhận việc tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c) Hồ sơ y tế, giấy ra viện hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh tình trạng ốm đau, tai nạn, chết;

4. Trình tự, thủ tục giải quyết

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý hoặc sử dụng người được điều động, huy động có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định, quyết định giải quyết chế độ, chính sách; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc chi trả chế độ, chính sách được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giải quyết.

5. Trách nhiệm giải quyết

a) Cơ quan, tổ chức đã ra quyết định điều động, huy động có trách nhiệm chủ trì lập hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách;

b) Cơ quan tài chính cùng cấp bảo đảm kinh phí chi trả;

c) Cơ quan bảo hiểm xã hội, y tế, lao động và cơ quan có liên quan phối hợp giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 46. Chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có thành tích thì được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Bồi thường thiệt hại về tài sản đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị thiệt hại về tài sản hợp pháp do nguyên nhân trực tiếp từ việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì được xem xét bồi thường hoặc hỗ trợ theo quy định của pháp luật; việc bồi thường được thực hiện theo giá trị thiệt hại thực tế của tổ chức, cá nhân được các bên xác nhận;

b) Thiệt hại về tài sản được bồi thường bao gồm: Tài sản bị hư hỏng, mất mát, không thể tiếp tục sử dụng; chi phí sửa chữa, khôi phục tài sản để đưa vào sử dụng;

c) Mức bồi thường được xác định căn cứ vào giá trị thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra thiệt hại; trường hợp tài sản không thể khôi phục thì bồi thường theo giá trị còn lại hoặc giá trị thay thế phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Nguồn kinh phí bồi thường do ngân sách nhà nước bảo đảm hoặc từ nguồn tài trợ từ các quốc gia, các tổ chức quốc tế, cá nhân và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Phục hồi danh dự, nhân phẩm đối với cá nhân, uy tín đối với cơ quan, tổ chức

a) Cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm, cơ quan, tổ chức bị tổn hại uy tín do lỗi của cơ quan có thẩm quyền hoặc do thông tin sai sự thật thì được phục hồi danh dự, nhân phẩm, uy tín;

b) Việc phục hồi danh dự, nhân phẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân gây tổn hại danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, cơ quan, tổ chức phải có trách nhiệm thực hiện việc xin lỗi, cải chính và bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Chế độ, chính sách đối với người bị chết, bị thương, tổn hại sức khỏe

a) Cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị thương hoặc bị tổn hại sức khỏe thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp bị thương hoặc bị tổn hại sức khỏe thì được khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và chăm sóc y tế kịp thời; giám định mức độ suy giảm khả năng lao động; hưởng trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hằng tháng theo mức độ suy giảm khả năng lao động theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp bị chết trong khi tham gia hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc do hậu quả trực tiếp của việc thực hiện nhiệm vụ thì thân nhân được hưởng các chế độ trợ cấp, hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp đủ điều kiện xác nhận là người có công với cách mạng thì được xem xét, giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công.

Chương VIII

CƠ CHẾ PHỐI HỢP, THANH TRA, KIỂM TRA, CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 47. Cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Việc phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Bảo đảm thống nhất trong quản lý nhà nước, phân định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của từng cơ quan;

b) Cơ quan có thẩm quyền quản lý chuyên ngành chủ trì xử lý công việc thuộc phạm vi quản lý; cơ quan, tổ chức khác có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Bảo đảm kịp thời, chính xác, đúng thẩm quyền, không chồng chéo, trùng lặp, không làm phát sinh thủ tục ngoài quy định của pháp luật;

d) Bảo đảm bí mật nhà nước, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Cơ chế phối hợp được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, chính sách, pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- b) Đánh giá rủi ro quốc gia, xây dựng, rà soát, cập nhật Danh mục kiểm soát và thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát theo rủi ro;
- c) Tiếp nhận, trao đổi, xác minh thông tin, dữ liệu, cảnh báo và phối hợp xử lý vụ việc có liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương;
- d) Thực hiện biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp và biện pháp phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- đ) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý vi phạm, đánh giá hiệu quả thực thi và thực hiện các nhiệm vụ liên ngành khác.

3. Việc phối hợp xử lý công việc, vụ việc được thực hiện như sau:

- a) Cơ quan tiếp nhận thông tin có trách nhiệm xác định nội dung, phạm vi, thẩm quyền xử lý; trường hợp thuộc thẩm quyền thì chủ trì giải quyết, trường hợp không thuộc thẩm quyền thì chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền;
- b) Trường hợp công việc, vụ việc thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan thì cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động chính hoặc đối tượng liên quan trực tiếp chủ trì xử lý; các cơ quan khác phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- c) Trường hợp chưa xác định được cơ quan chủ trì hoặc phát sinh vướng mắc trong phối hợp thì Cơ quan đầu mối quốc gia điều phối, đề xuất phương án xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;
- d) Trường hợp có nguy cơ, vụ việc khẩn cấp thì cơ quan tiếp nhận thông tin phải chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Cơ quan đầu mối quốc gia để điều phối khi cần thiết.

4. Cơ quan được đề nghị phối hợp có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý và phản hồi theo thời hạn được quy định đối với từng nhiệm vụ tại Luật này, Nghị định này và pháp luật có liên quan. Trường hợp không có thời hạn cụ thể, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan được đề nghị phải phản hồi kết quả xử lý hoặc thông báo tiến độ, lý do và thời gian dự kiến hoàn

thành. Đối với vụ việc khẩn cấp, việc tiếp nhận, trao đổi, phối hợp phải được thực hiện ngay.

5. Việc phối hợp được thực hiện thông qua trao đổi văn bản, thông tin, dữ liệu điện tử; hội nghị, cuộc họp, tổ công tác liên ngành hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Phối hợp thanh tra, kiểm tra về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Hoạt động thanh tra, kiểm tra về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, Luật này và pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, không chồng chéo, trùng lặp về đối tượng, nội dung, phạm vi và thời gian.

2. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về thanh tra. Trường hợp vụ việc có nội dung phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của nhiều bộ, ngành, địa phương thì việc quyết định, tổ chức thanh tra thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành tổ chức thực hiện việc kiểm tra theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

4. Việc phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành được thực hiện như sau:

a) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm xác định nội dung, đối tượng, phạm vi, thời gian và cơ quan cần phối hợp; trao đổi với cơ quan có liên quan để tránh chồng chéo, trùng lặp;

b) Cơ quan được đề nghị phối hợp có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, cử người có chuyên môn phù hợp tham gia theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật;

c) Việc thành lập đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra; quyết định thanh tra, kiểm tra; thực hiện quyền hạn; kết luận, kiến nghị và xử lý vi phạm thuộc trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp phát sinh chồng chéo, trùng lặp thì việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

5. Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm tổng hợp thông tin, phát hiện nội dung cần thanh tra, kiểm tra; trao đổi, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem

xét, thực hiện; phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu và theo dõi, tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp qua thanh tra, kiểm tra phát hiện dấu hiệu tội phạm, cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm chuyển hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra có liên quan đến nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được cung cấp cho Cơ quan đầu mối quốc gia trong phạm vi pháp luật cho phép để phục vụ đánh giá rủi ro, cảnh báo sớm và phối hợp quản lý nhà nước.

Điều 49. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và gửi Bộ Quốc phòng qua Cơ quan thường trực của Cơ quan đầu mối quốc gia. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến ngày 30 tháng 11 năm báo cáo; thời hạn gửi trước ngày 15 tháng 12.

2. Báo cáo đột xuất thực hiện khi có vụ việc nghiêm trọng, nguy cơ cao, yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan đầu mối quốc gia hoặc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Thời hạn được xác định theo tính chất vụ việc nhưng không quá 05 ngày làm việc đối với nguy cơ cao và phải phản hồi ban đầu trong 24 giờ đối với vụ việc khẩn cấp, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn.

3. Nội dung báo cáo gồm: tình hình, xu hướng rủi ro; kết quả quản lý, kiểm soát; tình hình thực hiện Danh mục kiểm soát, kiểm soát theo danh mục, ngoài danh mục, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; số liệu tổng hợp về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; đào tạo, tuyên truyền, diễn tập; hợp tác quốc tế; nguồn lực; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

4. Báo cáo thực hiện qua hệ thống thông tin hoặc kết nối dữ liệu hiện có; không yêu cầu báo cáo lại dữ liệu đã được chia sẻ, trừ trường hợp cần xác minh, đính chính hoặc hệ thống chưa đáp ứng.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan đầu mối quốc gia theo Điều 43 Nghị định này; chủ trì điều phối liên ngành, tổng hợp tình hình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và theo dõi việc tổ chức thi hành Luật.

2. Trong phạm vi quản lý quốc phòng, Bộ Quốc phòng tổ chức quản lý, kiểm soát hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ; xây dựng lực lượng, bảo đảm trang thiết bị, dữ liệu, đào tạo và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Chủ trì đánh giá rủi ro quốc gia; quản lý Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định; xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ chế cảnh báo sớm; điều phối kiểm soát ngoài Danh mục, kiểm soát người sử dụng cuối cùng và vụ việc liên ngành.

4. Tổng hợp, điều phối việc xây dựng kế hoạch phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát liên ngành về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; sử dụng kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành và không yêu cầu thanh tra, kiểm tra lại cùng nội dung, trừ trường hợp có rủi ro mới, dấu hiệu vi phạm mới hoặc yêu cầu cấp thiết theo pháp luật.

5. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong phạm vi quản lý hoặc theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; không thanh tra, kiểm tra thay cơ quan quản lý chuyên ngành; tiến hành điều tra, xử lý hành vi có dấu hiệu tội phạm liên quan đến Quân đội theo phạm vi thẩm quyền.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì công tác phòng ngừa, phát hiện, xác minh, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo thẩm quyền.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng và cơ quan liên quan trong:

- a) Đánh giá rủi ro quốc gia, cảnh báo sớm và xử lý tình huống nguy cơ cao;
- b) Xác minh tổ chức, cá nhân, mạng lưới, giao dịch hoặc hoạt động có dấu hiệu liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- c) Chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý rủi ro, điều tra, xử lý và thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì về kênh ngoại giao chính thức, vấn đề đối ngoại, điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế liên quan đến phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; phối hợp với Bộ Quốc phòng và cơ quan quản lý chuyên ngành xử lý nội dung chuyên môn theo thẩm quyền.

2. Phối hợp tiếp nhận, xác thực, trao đổi thông tin từ Liên hợp quốc, tổ chức quốc tế, các quốc gia, nhóm nước liên quan và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, biện pháp phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cảnh báo rủi ro.

3. Chủ trì tiếp nhận và chuyển giao yêu cầu chính thức của quốc gia khác qua kênh ngoại giao; phối hợp với Bộ Quốc phòng xử lý nội dung và phản hồi theo Điều 31 Nghị định này.

4. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam; tham mưu lập trường, phương án xử lý vụ việc có yếu tố đối ngoại.

5. Hoạt động hợp tác quốc tế phải tuân thủ nguyên tắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ, bình đẳng, cùng có lợi; đúng thẩm quyền, nội dung, hình thức và trình tự, thủ tục theo pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 53. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Chủ trì triển khai biện pháp phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với tổ chức tài chính, đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ trì hướng dẫn tổ chức tài chính, đối tượng báo cáo:

a) Rà soát, đối chiếu Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, danh sách cảnh báo;

b) Nhận diện giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến;

c) Thực hiện sàng lọc, thực hiện trì hoãn giao dịch, đóng băng tài khoản, chế độ thông báo, báo cáo và thực hiện quyết định phong tỏa tài khoản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, pháp luật về ngân hàng và pháp luật có liên quan.

4. Chủ trì tiếp nhận, phân tích, xử lý và kịp thời chuyển giao, trao đổi thông tin, dữ liệu về giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Định kỳ đánh giá rủi ro tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; phối hợp cung cấp đầu vào cho đánh giá rủi ro quốc gia.

Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì quản lý nhà nước về hải quan, thuế, chứng khoán, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán và lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải theo thẩm quyền.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo cơ quan hải quan:

a) Áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân có nguy cơ cao;

b) Kiểm tra, giám sát hàng hóa lưỡng dụng, vật liệu, thiết bị, công nghệ thuộc diện kiểm soát trong phạm vi thẩm quyền hải quan, trên cơ sở giấy phép, chấp thuận, thông tin quản lý chuyên ngành, Danh mục kiểm soát và cảnh báo rủi ro;

c) Áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền theo pháp luật hải quan để ngăn hàng hóa được thông quan, giải phóng hoặc đưa qua khu vực giám sát trong thời gian xác minh khi phát hiện dấu hiệu nghi ngờ;

d) Phối hợp xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng và tuyến vận chuyển có nguy cơ cao.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bộ, ngành liên quan trong chia sẻ thông tin, xác minh, xử lý vụ việc và thực hiện biện pháp về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Tổ chức quản lý, kiểm soát hoạt động ngoại thương, hóa chất, tiền chất và hàng hóa, hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý theo pháp luật chuyên ngành.

2. Xác định tiêu chí kỹ thuật, phân loại, mô tả, ngưỡng kiểm soát đối với hàng hóa thuộc phạm vi quản lý; đề xuất xây dựng, rà soát, cập nhật Danh mục kiểm soát.

3. Thực hiện cấp phép, quản lý, kiểm soát, kiểm tra, hậu kiểm và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý theo pháp luật chuyên ngành.

4. Phối hợp thực hiện kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát, xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; cung cấp, cập nhật, chia sẻ dữ liệu quản lý theo quy định.

5. Việc thực hiện Nghị định này không làm phát sinh danh mục hóa chất, giấy phép hoặc thủ tục quản lý hóa chất ngoài quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức quản lý vật liệu hạt nhân, nguồn phóng xạ, thiết bị hạt nhân, thiết bị bức xạ, công nghệ và chuyển giao công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

2. Xác định tiêu chí kỹ thuật, phân loại, mô tả, ngưỡng kiểm soát đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ thuộc phạm vi quản lý; đề xuất cập nhật Danh mục kiểm soát.

3. Thực hiện cấp phép, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và xử lý vi phạm theo pháp luật chuyên ngành.

4. Phối hợp xác minh hoạt động chuyển giao công nghệ, phần mềm, dữ liệu kỹ thuật và hình thức chuyển giao công nghệ có nguy cơ liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Cung cấp, chia sẻ dữ liệu phục vụ đánh giá rủi ro quốc gia, cảnh báo sớm và xử lý vụ việc.

Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Tổ chức quản lý tác nhân sinh học, độc tố gây bệnh cho người, mẫu bệnh phẩm, cơ sở xét nghiệm, an toàn sinh học và hoạt động y tế thuộc phạm vi quản lý.

2. Xác định tiêu chí kỹ thuật, phân loại, mô tả, ngưỡng kiểm soát đối với tác nhân sinh học, độc tố, thiết bị và đối tượng thuộc phạm vi quản lý; đề xuất cập nhật Danh mục kiểm soát.

3. Thực hiện cấp phép, kiểm tra, giám sát, cảnh báo và xử lý vi phạm theo pháp luật chuyên ngành.

4. Phối hợp đánh giá rủi ro, xác minh, xử lý vụ việc liên quan đến tác nhân sinh học, độc tố gây bệnh cho người; chia sẻ thông tin phục vụ cảnh báo sớm.

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tổ chức quản lý tác nhân gây bệnh cho động vật, thực vật; kiểm dịch động vật, thực vật; thuốc thú y, chế phẩm sinh học, môi trường và đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Xác định tiêu chí kỹ thuật, phân loại, mô tả, ngưỡng kiểm soát đối với tác nhân sinh học, độc tố, vật liệu, thiết bị thuộc phạm vi quản lý; đề xuất cập nhật Danh mục kiểm soát.

3. Thực hiện cấp phép, kiểm dịch, kiểm tra, giám sát, cảnh báo và xử lý vi phạm theo pháp luật chuyên ngành.

4. Phối hợp đánh giá rủi ro, xác minh, xử lý vụ việc; chia sẻ kết quả kiểm dịch, kiểm tra và cảnh báo có liên quan.

Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Trong phạm vi quản lý nhà nước về giao thông vận tải, phương tiện, kết cấu hạ tầng giao thông và lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý, tổ chức thực hiện biện pháp phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý phối hợp cung cấp thông tin về hàng hóa, chủ hàng, người gửi, người nhận, phương tiện và tuyến vận chuyển khi có yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và bộ quản lý chuyên ngành trong kiểm soát vận chuyển, trung chuyển, chuyển tải hàng hóa có nguy cơ.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý theo pháp luật chuyên ngành.

Điều 60. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Phối hợp rà soát, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành và phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ phòng, chống tài trợ phổ biến đối với tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản và lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp kiểm soát thủ tục hành chính trong xây dựng, thực hiện quy định về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Phối hợp rà soát vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, tổ chức bộ máy và bố trí nhân lực thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền.

3. Hướng dẫn thực hiện chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động và chế độ có liên quan thuộc phạm vi quản lý.

4. Việc thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều này không làm phát sinh tổ chức, biên chế ngoài quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 62. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ khác

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; cập nhật, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định này.

Điều 63. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức thực hiện Luật và Nghị định này trên địa bàn; chỉ đạo cơ quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của địa phương và các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức thu thập, tổng hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu; đánh giá tình hình, nguy cơ, rủi ro trên địa bàn phục vụ đánh giá rủi ro quốc gia và cảnh báo sớm.

3. Chỉ đạo phối hợp xác minh, kiểm tra, giám sát, xử lý vụ việc; áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập; bảo đảm nguồn lực theo phân cấp ngân sách nhà nước.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; cập nhật, chia sẻ dữ liệu theo Điều 49 Nghị định này; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã khai thác hợp pháp.

6. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp phát hiện, tiếp nhận, chuyển thông tin, cảnh báo; hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý vụ việc trên địa bàn.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 64. Quy định chuyển tiếp

1. Cơ quan thường trực, cơ quan, đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được xác định, phân công trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi cơ quan có thẩm quyền phân công, kiện toàn theo Nghị định này. Việc kiện toàn không làm gián đoạn hoạt động quản lý, phối hợp, tiếp nhận, xử lý thông tin và giải quyết vụ việc.

2. Giấy phép, chấp thuận, xác nhận, chứng nhận, quyết định và văn bản khác do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị đến hết thời hạn ghi trong văn bản, trừ trường hợp:

a) Văn bản đó bị sửa đổi, đình chỉ, thu hồi, hủy bỏ theo quy định của pháp luật;

b) Phải áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát theo Luật để phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Không yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện lại thủ tục hoặc chuyển đổi giấy phép, chấp thuận, xác nhận, chứng nhận chỉ vì Nghị định này có hiệu lực.

3. Hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa có kết quả giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị áp dụng quy định của Nghị định này và việc áp dụng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo Nghị định này.

4. Biện pháp quản lý, kiểm soát, ngăn chặn, trì hoãn giao dịch, phong tỏa, tạm giữ hoặc biện pháp khác đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện theo căn cứ, phạm vi và thời hạn của quyết định đã ban hành. Việc gia hạn, thay đổi, chấm dứt hoặc áp dụng biện pháp mới kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thực hiện theo Luật, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước thu thập, quản lý hợp pháp trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục khai thác, sử dụng và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Nghị định này. Không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có và có thể khai thác, sử dụng hợp pháp, trừ trường hợp cần cập nhật, xác minh hoặc đính chính.

6. Đối với chế độ, chính sách được xác định theo mức lương cơ sở tại Nghị định này, trường hợp pháp luật không còn quy định mức lương cơ sở thì thực hiện theo mức tham chiếu hoặc căn cứ tính tương ứng do Chính phủ quy định, bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện chế độ, chính sách.

Điều 65. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

2. Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 66. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Công TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Lưu: VT, NC.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phụ lục I

DANH MỤC KHUNG HÀNG HÓA LƯỠNG DỤNG THUỘC DANH MỤC KIỂM

(Kèm theo Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm 2027 của Chính phủ)

Mã nhóm	Nhóm đối tượng kiểm soát	Phạm vi đối tượng	Cơ quan chủ trì dữ liệu	Mã quốc tế tham khảo
0	Vật liệu phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị và công nghệ hạt nhân	Vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ, nguồn phóng xạ; thiết bị, linh kiện, vật liệu chuyên dụng cho chu trình nhiên liệu hạt nhân, lò phản ứng, làm giàu, tái chế, xử lý và đo kiểm bức xạ; phần mềm, công nghệ, dữ liệu kỹ thuật và dịch vụ trực tiếp liên quan.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Nhóm 0
1	Điện tử và linh kiện điện tử lưỡng dụng	Vi mạch, linh kiện, thiết bị điện tử, thiết bị thử nghiệm và sản xuất điện tử có tính năng, độ bền, tốc độ, tần số, khả năng chịu bức xạ hoặc đặc tính khác có thể phục vụ hệ thống vũ khí, phương tiện mang hoặc cơ sở liên quan.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương	Nhóm 3
2	Máy vi tính và hệ thống tính toán hiệu năng cao	Máy tính, bộ xử lý, hệ thống tính toán, thiết bị tăng tốc, phần cứng chuyên dụng và phần mềm, công nghệ trực tiếp liên quan có năng lực xử lý, mô phỏng, tính toán hoặc điều khiển thuộc tiêu chí kỹ thuật kiểm soát.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Nhóm 4
3	Viễn thông, an toàn thông tin, cảm biến và laser	Thiết bị, phần mềm, công nghệ viễn thông, truyền dẫn, mã hóa; cảm biến quang, hồng ngoại, radar,	Bộ Khoa học và Công nghệ	Nhóm 5, 6

Mã nhóm	Nhóm đối tượng kiểm soát	Phạm vi đối tượng	Cơ quan chủ trì dữ liệu	Mã quốc tế tham khảo
		sonar; laser, thiết bị quang học, phát hiện và đo lường có tính năng thuộc tiêu chí kiểm soát.		
4	Hàng không, hàng không vũ trụ và động lực	Tàu bay, động cơ, thiết bị, vật liệu, hệ thống điều khiển, dẫn đường, hàng không điện tử, công nghệ và dịch vụ kỹ thuật có khả năng sử dụng cho phương tiện mang hoặc hệ thống liên quan.	Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương trong phạm vi được giao	Nhóm 7, 9
5	Hàng hải và thiết bị dưới nước	Phương tiện, hệ thống, thiết bị, cảm biến, động lực, định vị, điều khiển, robot dưới nước, thiết bị lặn, vật liệu và công nghệ có tính năng thuộc tiêu chí kiểm soát.	Bộ Xây dựng; Bộ Khoa học và Công nghệ trong phạm vi được giao	Nhóm 8
6	Tác nhân sinh học, độc tố và thiết bị công nghệ sinh học lưỡng dụng	Tác nhân sinh học gây bệnh cho người, động vật, thực vật; độc tố; vật liệu di truyền; thiết bị lên men, nuôi cấy, lọc, tách, sấy, bảo quản, phát hiện và các phần mềm, công nghệ, dịch vụ trực tiếp liên quan thuộc tiêu chí kiểm soát.	Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nhóm 1
7	Hóa chất, tiền chất và thiết bị sản xuất, xử lý hóa chất lưỡng dụng	Hóa chất độc, tiền chất; hóa chất có thể sử dụng cho vũ khí hóa học; thiết bị phản ứng, trộn, chưng cất, trao đổi nhiệt, bơm, van, đường ống, bồn chứa, thiết bị bảo vệ và thiết bị sản xuất chuyên dụng thuộc tiêu chí kiểm soát.	Bộ Công Thương	Nhóm 1, 2

Mã nhóm	Nhóm đối tượng kiểm soát	Phạm vi đối tượng	Cơ quan chủ trì dữ liệu	Mã quốc tế tham khảo
8	Vật liệu tiên tiến, kim loại, hợp kim và thiết bị gia công	Kim loại, hợp kim, vật liệu composite, gốm, graphit, vật liệu đặc biệt; máy công cụ, thiết bị tạo hình, gia công chính xác, đo kiểm, sản xuất vật liệu và linh kiện thuộc tiêu chí kiểm soát.	Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ	Nhóm 1, 2
9	Phương tiện bay không người lái, tên lửa, thiết bị và công nghệ liên quan	UAV, thiết bị phóng, điều khiển, dẫn đường, động cơ, vật liệu, linh kiện, phần mềm, công nghệ và dịch vụ kỹ thuật có khả năng sử dụng cho phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc thuộc tiêu chí kiểm soát.	Bộ Công Thương; Bộ Quốc phòng; Bộ Xây dựng theo thẩm quyền	Nhóm 7, 9

Phụ lục II

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

(Kèm theo Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm 2027 của Chính phủ)

Danh mục này xác định nhóm trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tối thiểu theo công năng để cơ quan có thẩm quyền xây dựng tiêu chuẩn, định mức, kế hoạch đầu tư, mua sắm và phương án huy động, dùng chung; không xác định nhãn hiệu, model, cấu hình thương mại cụ thể.

STT	Nhóm trang thiết bị, phương tiện	Phạm vi công năng
1	Phát hiện, cảnh báo và nhận diện hạt nhân, phóng xạ	Thiết bị đo suất liều, liều kế, máy đo nhiễm bẩn, thiết bị nhận diện đồng vị, cổng/thiết bị giám sát bức xạ, thiết bị khảo sát và cảnh báo từ xa.
2	Phát hiện, nhận diện và phân tích hóa học	Thiết bị phát hiện khí/hơi hóa chất độc, máy quang phổ, sắc ký, thiết bị phân tích hiện trường, bộ thử nhanh, thiết bị giám sát môi trường và thiết bị cảnh báo hóa học.
3	Phát hiện, nhận diện và phân tích sinh học	Thiết bị lấy mẫu khí/bề mặt/nước, bộ xét nghiệm nhanh, thiết bị PCR hoặc công nghệ tương đương, thiết bị nuôi cấy, tủ an toàn sinh học, hệ thống phân tích và nhận diện tác nhân sinh học.
4	Lấy mẫu, bảo quản, niêm phong và vận chuyển mẫu	Bộ lấy mẫu CBRN, dụng cụ chứa mẫu, vật tư niêm phong, thiết bị ghi nhận chuỗi kiểm soát mẫu, thùng/vật chứa an toàn và phương tiện vận chuyển chuyên dụng.
5	Bảo hộ cá nhân và bảo vệ tập thể	Mặt nạ, bộ lọc, trang phục bảo hộ CBRN, găng, ủng, thiết bị thở độc lập, thiết bị bảo vệ hô hấp, lều/khoang bảo vệ, hệ thống lọc không khí và vật tư tiêu hao.

6	Khử nhiễm, cô lập, thu gom và xử lý	Thiết bị khử nhiễm người, phương tiện, trang bị và địa hình; hệ thống phun/rửa, vật tư hấp phụ, hóa chất khử nhiễm, thiết bị thu gom, đóng gói, lưu chứa và xử lý chất thải nguy hại.
7	Kiểm tra, giám sát cửa khẩu, hàng hóa và phương tiện	Máy soi, thiết bị kiểm tra không phá hủy, thiết bị phát hiện vật liệu nguy hiểm, công cụ lấy mẫu, định danh, thiết bị truy vết và phương tiện hỗ trợ kiểm tra hàng hóa, container, phương tiện vận tải.
8	Giám định, kiểm định, hiệu chuẩn và phòng thí nghiệm	Thiết bị phân tích chuyên sâu, chuẩn đo lường, thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn, hệ thống bảo đảm chất lượng, thiết bị an toàn phòng thí nghiệm và lưu trữ mẫu.
9	Chỉ huy, điều hành, thông tin liên lạc và cơ động	Phương tiện chỉ huy cơ động, thiết bị thông tin liên lạc bảo mật, định vị, bản đồ số, thiết bị ghi hình, truyền dữ liệu, nguồn điện dự phòng, phương tiện vận chuyển lực lượng và trang bị.
10	Cơ sở dữ liệu, phân tích, cảnh báo sớm và an toàn thông tin	Máy chủ, lưu trữ, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, nền tảng tích hợp dữ liệu, phần mềm phân tích, sàng lọc, đối chiếu danh sách, quản lý vụ việc, cảnh báo sớm và sao lưu, phục hồi dữ liệu.
11	Trang thiết bị y tế, cấp cứu và giám sát sức khỏe	Thiết bị cấp cứu, hồi sức, khử nhiễm y tế, theo dõi sức khỏe, phương tiện vận chuyển y tế; thiết bị và vật tư tiêu độc, giải độc cấp cứu chuyên dụng; thuốc kháng độc đặc hiệu, huyết thanh kháng độc, vật tư chuyên môn đối với tác nhân hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân phục vụ phương án ứng phó và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
12	Đào tạo, huấn luyện và diễn tập	Thiết bị mô phỏng, mô hình, bộ mẫu huấn luyện an toàn, thiết bị thực hành phát hiện, bảo hộ, khử nhiễm, chỉ huy, thông tin và công cụ đánh giá kết quả huấn luyện, diễn tập.